

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19(tháng3/2022)
Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		1.855.870.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	1215/QĐ-SYT	01/07/2022	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	1.855.870.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
																
...	...	...														

Hà long, ngày 08 tháng 7 năm 2022

CQ tài chính ghi sổ ngày tháng năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (S)

Người nhập

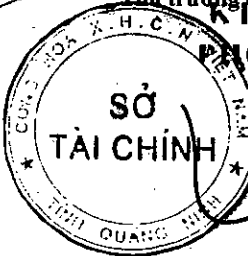
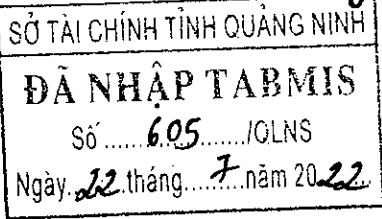
Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Vinh



Nguyễn Bá Việt



Hà Thị Thanh Lê

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHÂN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2022**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

**Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong
phòng, chống dịch COVID-19(tháng 3/2022)**

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	1.855.870.000	Chỉ cho T1+2, bổ sung năm 2021
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly;	252.480.000	
2	Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)	109.590.000	
4	Phụ cấp chống dịch	1.458.100.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân F0 tại bệnh viện		NQ16/NQ-CP
6	Hỗ trợ kinh phí theo NQ 145 và đối tượng gói dịch vụ nhà sạch, bảo vệ	35.700.000	
2	Nhiệm vụ B		
	Tổng số	1.855.870.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Một tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kê toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Bá Việt

Số: 1215/QĐ-SYT

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 03/2022)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế thực hiện chi chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Tháng 03/2022),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 03/2022).

Số tiền: **6.664.948.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí phụ cấp đặc thù và các chi phí theo NQ 16/NQ-CP và NQ 36/NQ-HĐND; NQ 145/NQ-CP: 6.219.178.000 đồng.
- Kinh phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân điều trị Covid tại cơ sở y tế: 369.630.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn F0, F1 và hỗ trợ khác theo NQ 68/NQ-CP (Kinh phí thực hiện đến 31.12.2021): 15.520.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ các nội dung chi khác, chi cho đối tượng gói dịch vụ nhà sạch, bảo vệ tham gia công tác phòng chống dịch Covid 19: 60.620.000 đồng.
(Chi tiết đơn vị theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 16/NQ-CP, 68/NQ-CP, 145/NQ-CP,

36/NQ-HĐND. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng (rà soát số ngày, số người, công việc thực hiện), thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Kinh phí khám chữa bệnh đối với bệnh nhân Covid 19 thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 29/2022/NĐ-CP.

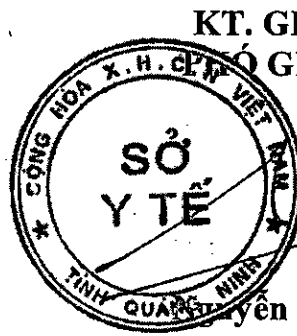
Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

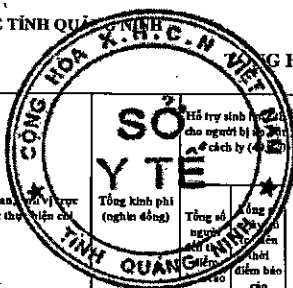


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tuấn

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH



HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP THÁNG 03/2022

ĐVT: nghìn đồng

TT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	Chỉ khác PI 1,8	Tiền án F0, F1 và hỗ trợ khác theo NQ 68	Ghi chú
	Tổng cộng:	6.664.948	254	1.422	70.948	264	369.630	2.086	18.709	4.897.500	523	4.015	521.950	593	6.923	553.530	305	1.247	124.700	24	444	82.500	28.670	15.520	
1	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	336.580	0	0	0	0	0	93	1.030	274.400	9	65	8.450	46	628	49.930	4	38	3.800					0	
2	TT kiểm soát bệnh tật	93.100						15	175	49.400	40	310	40.300				23	34	3.400						
3	Bệnh viện ĐK tỉnh	1.855.870				0	0	565	5.446	1.458.100	114	843	109.590	222	3.156	252.480	0	0	0	8	132	35.700		0	T1+T2/2022+ bổ sung 2021
4	BV ĐKKV Cẩm Phả	573.868	69	0	26.188	0	0	116	1.526	419.600	21	290	37.700	81	826	66.080	13	243	24.300				0	0	
5	BV ĐK Cẩm Phả	209.230	0	0	0	0	0	87	630	177.550	0	0	0	40	396	31.680	0	0	0					0	
6	BVĐK Hạ Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				0	0	
7	TTYT Đầm Hà	262.192	0	0	0	0	0	101	940	242.300	0	0	0	18	152	12.160	0	0	0				7.732	0	tháng 2/2022
8	TTYT Tiên Yên	176.400	0	0	0	0	0	74	563	141.550	5	31	4.030	45	269	21.520	30	93	9.300				0		
9	TTYT Ba Chẽ	381.061				124	159.101	69	942	207.900	5	62	8.060		0	0	13	60	6.000						
10	TTYT Bình Liêu	178.070	149	1.119	44.760	0	0	54	489	120.800	3	31	4.030	10	106	8.480	0	0	0				0		
11	TTYT Vân Đồn	181.280	0	0	0	0	0	72	524	147.800	11	86	11.180	0	0	0	22	223	22.300				0	0	
12	TTYT Cô Tô	161.290	36	303	0	0	0	44	563	143.000	5	59	7.670	7	94	7.520	15	31	3.100						
13	TTYT Hạ Long	334.578						62	701	174.000	76	838	108.940	0	0	0	20	307	30.700				20.938		T12/2021+Quý 1/2022
14	TTYT Quảng Yên	71.760	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16	312	24.960	0	0	0	16	312	46.800		0		
15	TT YT Đông Triều	15.520	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				15.520		
16	TT vận chuyển cấp cứu	21.880						11	41	6.150	3	121	15.730		0	0									Tháng 12 đến T3/2022
17	TTYT Cẩm Phả	220.310						68	667	198.600	16	167	21.710	0	0	0	0	0	0				0		
18	TTYT Hải Hà	749.220	0	0	0	0	0	356	2.518	591.950	212	1.091	141.830	11	193	15.440	0	0	0					0	
19	Bệnh viện Sản Nhi	296.660				0	0	126	944	251.300	0	0	0	56	567	45.360	0	0	0					0	
20	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	335.149				140	210.529	73	357	100.500				41	224	17.920	35	62	6.200						T2+3/2022
21	Bệnh viện Bãi Cháy	210.930	0	0	0	0	0	100	653	192.600	3	21	2.730				130	156	15.600						

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: DT25/ 220727_1017339_2811002
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tài khoản: 9527.2.1017339 Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:
Số CKC, HĐK: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 01+02 năm 2022	6114	423	132	12	1.458.100.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp thường trực 24/24 giờ cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 01+02 năm 2022	6114	423	132	12	109.590.000
Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động,phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 01+02 năm 2022	7799	423	132	12	252.480.000
Tổng cộng					1.820.170.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ tám trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ long - QN
Tài khoản: 440280701009 Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Quảng Ninh
Hoặc người nhận tiền:
Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 28 tháng 07 năm 2022
Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 28/07/2022 17:00:48
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 28/07/2022 09:04:41
Chức danh: Chủ nhiệm
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày... tháng ... năm ...

QĐ 3 tháng 1 + 2 + 3/2022

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1845 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp chống dịch theo Nghị quyết 16/NQ-CP trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong tháng 01+02+03 năm 2022 và kinh phí bổ sung năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Corona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 92/QĐ-BVT ngày 11/01/2022 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp chống dịch theo Nghị quyết 16/NQ-CP trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 trong tháng 01+02+03 năm 2022 đối với Cán bộ Y tế – người lao động

* Cụ thể như sau:

+ **Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 01/2022: 217.750.000 đồng**

- Người thuộc mục 1 điều 2 NQ 16:

- Số người hưởng PC: 59 người

- Số ngày : 453,5 ngày x 300.000 = 136.050.000 ✓

- Người thuộc mục 2 điều 2 NQ 16:

Số người hưởng PC: 11 người

Số ngày : 77 ngày X 200.000 = 15.400.000 đồng ✓

- Người thuộc mục 3 điều 2 NQ 16:

Số người hưởng PC: 67 người

Số ngày : 442 ngày X 150.000 = 66.300.000 đồng ✓

+ Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 02/2022: 249.700.000 đồng

- Người thuộc mục 1 điều 2 NQ 16:

- Số người hưởng PC: 109 người

- Số ngày : 605,5 ngày x 300.000 = 181.650.000 đồng ✓

- Người thuộc mục 2 điều 2 NQ 16:

Số người hưởng PC: 11 người

Số ngày : 83 ngày X 200.000 = 16.600.000 đồng ✓

- Người thuộc mục 3 điều 2 NQ 16:

Số người hưởng PC: 51 người

Số ngày : 343 ngày X 150.000 = 51.450.000 đồng ✓

+ Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 03/2022: 809.900.000 đồng

- Người thuộc mục 1 điều 2 NQ 16:

- Số người hưởng PC: 177 người

- Số ngày : 2534 ngày x 300.000 = 760.200.000 ✓

- Người thuộc mục 2 điều 2 NQ 16:

Số người hưởng PC: 9 người

Số ngày : 79 ngày X 200.000 = 15.800.000 đồng ✓

- Người thuộc mục 3 điều 2 NQ 16:

Số người hưởng PC: 22 người

Số ngày : 226 ngày X 150.000 = 33.900.000 đồng ✓

+ Kinh phí được cấp bổ sung còn thiếu năm 2021: 180.750.000 đồng

- Số người hưởng PC: 49 người

- Số ngày : 602,5 ngày X 300.000 = 180.750.000 đồng ✓

Điều 2. Tổng số tiền chi: 1.458.100.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 và năm 2022 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *mm*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt



QĐ 31Kang 1,2,3 12022

362070

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1846/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp thường trực 24/24 giờ và tiền ăn theo Nghị quyết 16/NQ-CP trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tháng 01+02+03 năm 2022

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ quyết định số 92/QĐ-BVT ngày 11/01/2022 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp thường trực 24/24h và tiền ăn theo Nghị quyết 16/NQ-CP trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh tháng 01+02+03 năm 2022

*** Phụ cấp công tác thường trực 24/24h tháng 01/2022:**

Số người hưởng PC: 42 người

Số ngày : 312 ngày x 130.000 = **40.560.000 đồng** ✓

- Tiền ăn: 358 ngày x 80.000 = **28.640.000 đồng** ✓

*** Phụ cấp công tác thường trực 24/24h tháng 02/2022:**

Số người hưởng PC: 43 người

Số ngày : 276 ngày x 130.000 = **35.880.000 đồng** ✓

- Tiền ăn: 428 ngày x 80.000 = **34.240.000 đồng** ✓

*** Phụ cấp công tác thường trực 24/24h tháng 03/2022:**

Số người hưởng PC: 29 người

Số ngày : 255 ngày x 130.000 = **33.150.000 đồng** ✓

- Tiền ăn: 2370 ngày x 80.000 = **189.600.000 đồng**

Điều 2. Tổng số tiền chi: 362.070.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2022 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Neu*



Nguyễn Bá Việt

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 1/2022

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)							151.450.000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19						454	136.050.000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chăm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	01/01/2022	31/01/2022	11	3.300.000		1.4.5.6.12.14.19.21.28.29.30/1
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	8	2.400.000		2.4.7.11.22.24.25.31/1
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	7	2.100.000		4.12.13.15.18.19.24/1
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	9	2.700.000		1.6.7.9.12.13.20.21.25/1
5	Vũ Thị Mận	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	01/01/2022	31/01/2022	9	2.700.000		5.10.14.18.19.21.23.26.27/1
6	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	9	2.700.000		4.5.8.10.11.16.17.20.27/1
7	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	7	2.100.000		3.7.12.13.17.20.26/1
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	3	900.000		1.8.16/1
9	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300.000	01/01/2022	31/01/2022	7	2.100.000		2.3.4.9.11.15.28/1

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
10	Nguyễn Hồng Ngọc	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	6	1.800.000		3.6.12.23.28.30/1
11	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	2	600.000		3.4/1
12	Đặng Đỗ Khánh Huyền	Vsinh		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	6	1.800.000		2.5.20.22.28.29/1
13	Phạm Văn Nga	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	9	2.700.000		1-9/1
14	Phạm Thị Hải Ninh	BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	10	3.000.000		1.2.24-31/1
15	Đoàn Hoa Anh	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	21	6.300.000		3-23/1
16	Đinh Việt Hải	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	14	4.200.000		10-23/1
17	Trần Thị Lý	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	17	5.100.000		1-17/1
18	Đinh Thị Hải Hà	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	8	2.400.000		24-31/1
19	Bùi Quỳnh Anh	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	20	6.000.000		12-31/1
20	Nguyễn Thị Nam	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	19	5.700.000		1-5.18-31/1
21	Lê Hải Yến	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	21	6.300.000		8-28/1
22	Đào Thị Thu Hương	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	21	6.300.000		3-23/1
23	Trần Mạnh Cường	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	7	2.100.000		1-7/1
24	Dương Thị Oanh	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	9	2.700.000		1-9/1
25	Phạm Thị Ánh Tuyết	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	16	4.800.000		1-16/1
26	Nguyễn Thị Hương	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	19	5.700.000		13-31/1
27	Nguyễn Lệ Hường	BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	21	6.300.000		10-30/1
28	Phan T Thu Thủy	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	1	300.000		31/1
29	Nguyễn Thị Phương Thảo	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	21	6.300.000		11-31/1

TIN

CH
HO

★

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động: Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
30	Trần Thu Ngân	BNĐ	khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	16	4.800.000		1-15/1
31	Trần Thu Hoài	BNĐ		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	3	900.000		29-31/1
32	Lê thị Minh Hằng	BNĐ	người trực tiếp khám,	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	4	1.200.000		1-4/1
33	Vương Thị Lò	BNĐ	chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	9	2.700.000		1.2.12-18/1
34	Đặng Văn Hoi	K HSTC	MẮC COVID-19 tại khu	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	19	5.700.000		13-31/1
35	Vũ Đình Đức	K HSTC	vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	18	5.400.000		14-31/1
36	Lê Thanh Dung	K HSTC		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	2	600.000		1.2/1
37	Vũ Anh Tuấn	K HSTC	người trực tiếp khám,	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	2	600.000		1.2/1
38	Đinh Bá Khánh	K CDHA	chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	2	600.000		1.2/1
39	Tạ Quang Tuấn	K CDHA	MẮC COVID-19 tại khu	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	1	300.000		31/1
40	Bùi Văn Trai	K CDHA	vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	14	4.200.000		17-30/1
41	Trần Văn Dũng	K CDHA		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	14	4.200.000		3-16/1
42	Phạm Thị Minh Hiền	K HSTC		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 19/1
43	Nguyễn Văn Doanh	K Nhi	Người làm công việc lấy	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	1	300.000		1/2 4.11/1
44	Chu Tuấn Thành	K HHNN	mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 11/1
45	Phạm Thị Lan Phương	K HHNN		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 4.11/1
46	Phạm Thị Ngát	K HHNN		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 20/1
47	Đỗ Quang Thế	K Mắt		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	1,5	450.000		1/2 4.11.27/1
48	Bùi Như Quỳnh	K YHCT	Người làm công việc lấy	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	1	300.000		1/2 20.27/1
49	Phạm Thị Hải Ninh	K YHCT	mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	1	300.000		1/2 20.27/1

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
50	Nguyễn Thị Bích Liên	K LK	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 4.11/1
51	Nguyễn văn trung	K TM		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 19/1
52	Nguyễn Thành Đạt	K TM		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 27/1
53	Bùi Thị Diệu	K UB		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 19/1
54	Tô Thị Thu Hà	K UB		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 20/1
55	Trần Thị Thu Thảo	K NTH	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 19/1
56	Nguyễn Thị Hương	K KB		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 20/1
57	Đào Thị Thu Hà	K sản		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 20/1
58	Nguyễn Bình Duy	K TMH		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 27/1
59	Dương Hồng Hà	P PHCN		300.000	'01/01/2022	31/01/2022	0,5	150.000		1/2 27/1
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2							15.400.000		
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200.000	'01/01/2022	31/01/2022	16	3.200.000		1.2.4.5.8-16.18-20/1
2	Lưu Thị Tâm	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	'01/01/2022	31/01/2022	4	800.000		1/2 (1.4.8.10.12.14.16.19/1)
3	Phùng Thị Tám	K KSNK		200.000	'01/01/2022	31/01/2022	4	800.000		1/2 (2.5.9.11.13.15.18.20/1)
4	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	K KSNK		200.000	'01/01/2022	31/01/2022	4	800.000		1/2 (1.4.8.10.12.14.16.19/1)

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động: Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
5	Trần Minh Đức	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	01/01/2022	31/01/2022	4	800.000		1/2 (2.5.9.11.13.15.18.20/1)
6	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	01/01/2022	31/01/2022	4	800.000		1/2 (1.4.8.10.12.14.16.19/1)
7	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK Nhà sạch		200.000	01/01/2022	31/01/2022	4	800.000		1/2 (2.5.9.11.13.15.18.20/1)
8	Lâm Thị Thúy Hằng	K BNĐ Nhà sạch	Vệ sinh tẩy uế diệt tác nhân gây bệnh tại KĐT BN COVID	200.000	01/12/2021	31/12/2021	14	2.800.000		12-25/1
9	Nguyễn Thị Hòa	K BNĐ Nhà sạch		200.000	01/12/2021	31/12/2021	11	2.200.000		1-11/1
10	Lại Thị Phương Hải	K BNĐ Nhà sạch		200.000	01/12/2021	31/12/2021	6	1.200.000		1-6/1
11	Mạc Thị Thảo	K BNĐ		200.000	01/12/2021	31/12/2021	6	1.200.000		26-31/1

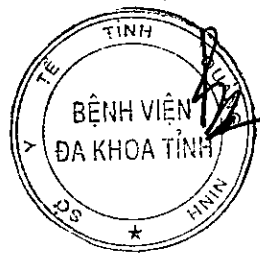
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Nguyễn Thị Hằng

Hoàng Nguyệt Hoa

Phạm Quang Huy

Ngô Thúy Quỳnh

Tháng 1/2022

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

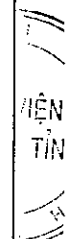
Tháng 01/2022

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						442	66.300.000		
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	5	750.000		12.19.24.28/1
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	9	1.350.000		3.4.8.10.13.14.17.18.22/1
3	Đoàn T Phương Thảo	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/1
4	Nguyễn T Huyền Trang	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.25.26.28.29.31/1
5	Đặng Duy Linh	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/1
6	Bùi Thị Hương	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.25.26.28.29.31/1
7	Nhuyễn Diệp Linh	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/1
8	Dương Hồng Hà	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.25.26.28.29.31/1
9	Nhuyễn T Thu Hương	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/1
10	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.25.26.28.29.31/1
11	Tô Nguyễn Trường Phi	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/1
12	Đào Thị Hương	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.25.26.28.29.31/1
13	Phạm Trung Kiên	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.10.11.16.17.19.20.22.23.25.26/1
14	Lưu Thị Thu Hương	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	3	450.000		28.29.31/1

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
15	Phạm Thị Ninh	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22.24/1
16	Lê Xuân Quang	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	5	750.000		25.27.28.30.31/1
17	Nguyễn Thị Vân	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22.24/1
18	Nguyễn T Ánh Nguyệt	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	5	750.000		25.27.28.30.31/1
19	Nguyễn Thị Dung	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22.24/1
20	Giáp Đoàn Thom	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	5	750.000		25.27.28.30.31/1
21	Nguyễn T Kim Duyên	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	8	1.200.000		21.22.24.25.27.28.30.31/1
22	Đoàn Thị Thùy Ninh	Sinh hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22.24/1
23	Nguyễn Thanh Ngân	Sinh hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	5	750.000		25.27.28.30.31/1
24	Đoàn Văn Vịnh	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	20	3.000.000		16.18.19.21.22.24.25.27.28.30.31/1
25	Tô Thị Thu Hà	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.3.5.6.7.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21/1
26	Trần Văn Phát	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.24.26.27.29.30/1
27	Bùi Văn Phúc	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21/1
28	Nguyễn Thị Trang	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.24.26.27.29.30/1
29	Dư Thị Huyền	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21/1
30	Phan Cẩm Vân	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.24.26.27.29.30/1
31	Phạm Thị Nga	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21/1
32	Đoàn Thị Vân Anh	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.24.26.27.29.30/1
33	Vũ Tuyết Minh	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21/1
34	Lý Thị Cúc	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.24.26.27.29.30/1

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
35	Giáp Đoàn Thom	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	15	2.250.000		1.2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21/1
36	Nguyễn T Thu Trang	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	6	900.000		23.24.26.27.29.30/1
37	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	12	1.800.000		3.4.6.7.8.9.12.13.15.16.18.19/1
38	Nguyễn Thị Dự	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		15.29/1
39	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		1.30/1
40	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		7.21/1
41	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		7.22/1
42	Huỳnh Lê Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		10.25/1
43	Nguyễn Thị Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		11.26/1
44	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		11.25/1
45	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		4.19/1
46	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		2.17/1
47	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		14.28/1
48	Phạm Tuấn Anh Mạnh	PTTKCS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		13.24/1
49	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		5.26/1
50	Trần Việt Hoa	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		9.31/1
51	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		4.16/1
52	Phan Kim Hương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		16.20/1
53	Nguyễn Thị Xuân	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		12.27/1
54	Nguyễn Bích Nga	KKB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		6.29/1



 HIỆN TÌNH

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
55	Nguyễn Thị Hằng	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		5.20/1
56	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		9.21/1
57	Nguyễn Thanh tuân	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		12.31/1
58	Đinh Đức Thuận	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		2.17/1
59	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	1	150.000		30/1
60	Đỗ Thị Thanh Huyền	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		3.18/1
61	Nguyễn Thị An	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		8.23/1
62	Đặng Văn Thành	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		6.23/1
63	Bùi Thị Bích Liên	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		8.19/1
64	Lê Xuân Quang	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	3	450.000		10.15.24/1
65	Hoàng Hữu Tuấn	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	1	150.000		1/1
66	Đỗ Thị Nhung	Vì Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		13.27/1
67	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/01/2022	31/01/2022	2	300.000		3.18/1

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng

[Signature]

Hoàng Anh Hoa

[Signature]

Phạm Quỳnh Huy

[Signature]

Ngô Thúy Quỳnh

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 01/2022

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)								69.200.000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC							312	40.560.000		
1	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHBNN	130000		01/01/2022	31/01/2022	1	130.000		Trực 1/1/2022
2	Nguyễn Thị Út	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHBNN	130000		01/01/2022	31/01/2022	1	130.000		Trực 2/1/2022
3	Nguyễn Thị Thúy An	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TKLK	130000		01/01/2022	31/01/2022	6	780.000		Trực 3.12.16.20.25.29/1
4	Nguyễn Thị Hằng	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/01/2022	31/01/2022	2	260.000		Trực 15.19/1
5	Lê Khắc Hoàng Sơn	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Nhi	130000		01/01/2022	31/01/2022	7	910.000		Trực 4.8.11.17.21.26.31/1
6	Hỷ Thị Lan	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/01/2022	31/01/2022	2	260.000		Trực 5.10/1
7	Trần Anh Tuyến	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	NTH	130000		01/01/2022	31/01/2022	6	780.000		Trực 6.9.13.18.23.27/1
8	Phan Văn Thiên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHBNN	130000		01/01/2022	31/01/2022	16	2.080.000		Trực 1-31/1
9	Nguyễn Duy Chinh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/01/2022	31/01/2022	2	260.000		Trực 24.28/1
10	Đoàn Thị Hà	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	10,5	1.365.000		Trực 1-9.15-21.24- 28/1/2022

11	Phạm Thị Ngát	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHBNN	130000		01/01/2022	31/01/2022	5	650.000		Trực 4,10,16,20,26/1/2022
12	Trần Việt Dung	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	YHCT	130000		01/01/2022	31/01/2022	5	650.000		Trực 4,10,16,20,26/1/2022
13	Bùi Thị Mai Phương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/01/2022	31/01/2022	3	390.000		Trực 6,18,24/1/2022
14	Nguyễn Thị Mai	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PKCS2	130000		01/01/2022	31/01/2022	5	650.000		Trực 5,11,17,23,27/1
15	Nguyễn Quốc Thành	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	LK	130000		01/01/2022	31/01/2022	6	780.000		Trực 2,5,11,17,23,27/1
16	Nguyễn Văn Toán	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	RHM	130000		01/01/2022	31/01/2022	4	520.000		Trực 2,6,12,18/1
17	Lương Thị Nguyệt	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	UB	130000		01/01/2022	31/01/2022	6	780.000		Trực 3,9,13,19,25,31/1
18	Lê Văn Tuyển	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PKCS2	130000		01/01/2022	31/01/2022	6	780.000		Trực 3,9,13,19,25,31/1
19	Đỗ Thị Hạnh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	4	520.000		Trực 8,14,22,28/1
20	Nguyễn Thị Hạnh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	4,5	585.000		Trực 1,8,14,22,29/1
21	Nguyễn Thị Hương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	3	390.000		Trực 7,15,21/1
22	Đặng Thị Nhài	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	2,5	325.000		Trực 10-14/1
23	Hoàng Hà My	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	4,5	585.000		Trực 1,7,15,21,29/1
24	Nguyễn Thành Đạt	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/01/2022	31/01/2022	2	260.000		Trực 12,30/1
25	Vũ Xuân Thanh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	RHM	130000		01/01/2022	31/01/2022	2	260.000		Trực 24,30/1
26	Nguyễn Thị Nguyên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/01/2022	31/01/2022	1	130.000		Trực 28/1
TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID											
27	Nguyễn Bá Việt		Giám đốc	130.000		01/01/2022	31/01/2022	9	1.170.000		Trực 10,12,14,17,19,22,24,27,30/1
28	Đặng Thị Thuý		PGĐ	130.000		01/01/2022	31/01/2022	14	1.820.000		Trực 1,3,5,7,9,11,13,16,18,21,23,26,29,31/1
29	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130.000		01/01/2022	31/01/2022	13	1.690.000		Trực 2,4,6,8,11,13,15,17,20,22,25,27,30/1

30	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		01/01/2022	31/01/2022	13	1.690.000		Trực 1,3,5,7,9,12,15,18,20,23,25 27,29/1
31	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	13	1.690.000		Trực 2,4,6,8,10,14,16,19,21,24,2 6,28,31/1
	TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẦN										
32	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	11	1.430.000		Trực 1,3,6,8,12,15,18,22,24,27,3 1/1
33	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	11	1.430.000		Trực 1,5,9,11,13,17,19,21,23,26, 29/1
34	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	11	1.430.000		Trực 2,4,6,10,12,14,16,20,23,26, 28/1
35	Phạm Thị Phương Thủy		KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	11	1.430.000		Trực 2,4,6,10,14,16,19,22,24,28, 30/1
36	Nguyễn Thị Thu Phương	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	12	1.560.000		Trực1,3,5,7,10,13,15,17,19, 25,29,31/1
37	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	10	1.300.000		Trực 2,4,16,18,20,22,24,26,28,3 0/1
38	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/01/2022	31/01/2022	11	1.430.000		Trực 3,5,8,9,11,15,21,23,25,27,3 1/1
39	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trục phân luồng, sàng lọc	HCQT	130.000		01/01/2022	31/01/2022	16	2.080.000		Trực 1,2,3,7,8,9,13,14,15,19,20, 21,25,26,27/1
40	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130.000		01/01/2022	31/01/2022	15	1.950.000		Trực 4,5,6,10,11,12,16,17,18,22, 23,24,28,29,30/1
41	Bùi Trọng Oánh	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000		01/01/2022	31/01/2022	12	1.560.000		Trực 1,2,5,6,9,10,13,14,18,22,25 29/1
42	Hoàng Văn Dũng		HCQT	130.000		01/01/2022	31/01/2022	13	1.690.000		Trực 4,8,11,12,15,16,19,20,23,1 4,27,28,31/1
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)							358	28.640.000		
1	Phạm Văn Ngà	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	9	720.000		1-9/1
2	Phạm Thị Hải Ninh		BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	10	800.000		1,2,24-31/1
3	Đoàn Hoa Anh		BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	21	1.680.000		3-23/1
4	Đinh Việt Hải		BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	14	1.120.000		10-23/1
5	Trần Thị Lý		BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	17	1.360.000		1-17/1
6	Đinh Thị Hải Hà		BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	8	640.000		24-31/1
7	Bùi Quỳnh Anh		BNĐ	80.000		01/01/2022	31/01/2022	20	1.600.000		12-31/1

8	Nguyễn Thị Nam	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	19	1.520.000	1-5,18-31/1
9	Lê Hải Yến		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	21	1.680.000	8-28/1
10	Đào Thị Thu Hương		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	21	1.680.000	3-23/1
11	Trần Mạnh Cường		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	7	560.000	1-7/1
12	Dương Thị Oanh		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	9	720.000	1-9/1
13	Phạm Thị Ánh Tuyết		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	16	1.280.000	1-16/1
14	Nguyễn Thị Hương		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	19	1.520.000	13-31/1
15	Nguyễn Lệ Hường		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	21	1.680.000	10-30/1
16	Phan T Thu Thủy		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	1	80.000	31/1
17	Nguyễn Thị Phương Thảo		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	21	1.680.000	11-31/1
18	Trần Thu Ngân		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	16	1.280.000	1-15/1
19	Trần Thu Hoài		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	3	240.000	29-31/1
20	Lê thị Minh Hằng		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	4	320.000	1-4/1
21	Vương Thị Lò		BNĐ	80.000	01/01/2022	31/01/2022	9	720.000	1.2.12-18/1
22	Đặng Văn Hợi	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	K HSTC	80.000	01/01/2022	31/01/2022	19	1.520.000	13-31/1
23	Vũ Đình Đức		K HSTC	80.000	01/01/2022	31/01/2022	18	1.440.000	14-31/1
24	Lê Thanh Dung		K HSTC	80.000	01/01/2022	31/01/2022	2	160.000	1.2/1
25	Vũ Anh Tuấn		K HSTC	80.000	01/01/2022	31/01/2022	2	160.000	1.2/1
26	Định Bá Khánh		K CDHA	80.000	01/01/2022	31/01/2022	2	160.000	1.2/1
27	Tạ Quang Tuấn		K CDHA	80.000	01/01/2022	31/01/2022	1	80.000	31/1
28	Bùi Văn Trai		K CDHA	80.000	01/01/2022	31/01/2022	14	1.120.000	17-30/1
29	Trần Văn Dũng		K CDHA	80.000	01/01/2022	31/01/2022	14	1.120.000	3-16/1



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Hằng

PHÒNG TCCB

Hoàng Nguyệt Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

Phạm Quang Huy

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Hồng Nguyệt

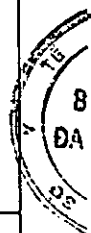
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 2/2022

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)							198.250.000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19						606	181.650.000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chăm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	10	3.000.000		1.2.7.8.14.17.18.19.21.28/2
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		6.8.15.17.21.22.25/2
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	9	2.700.000		9.10.14.17.18.22.23.24.27/2
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		3.7.13.15.17.21.22/7
5	Vũ Thị Mận	Vsinh		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	8	2.400.000		4.11.15.16.19.23.25.28/2
6	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	9	2.700.000		5.8.9.10.14.16.18.21.26/2
7	Vũ Thùy Dung	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	8	2.400.000		6.7.12.14.18.20.21.24/2
8	Hoàng Thị Thu Trang	PKS2		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		8.14.17.21.28/2
9	Nguyễn Hồng Ngọc	Vsinh		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		5.6.8.15.19/2
10	Đặng Đỗ Khánh Huyền	Vsinh		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		5.7.15.20.26/2



STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
11	Phạm Văn Ngà	K BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	23	6.900.000		1-23/2
12	Phạm T. Hải Ninh	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	6	1.800.000		1-6/2
13	Đinh Việt Hải	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	8	2.400.000		21-28/2
14	Trần Thị Lý	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	22	6.600.000		7-28/2
15	Đinh T. Hải Hà	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	2	600.000		1-2/2
16	Bùi Quỳnh Anh	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	2	600.000		1-2/2
17	Vũ T. Khánh Huyền	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	22	6.600.000		3-24/2
18	Đặng Thị Lan Anh	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	9	2.700.000		20-28/2
19	Trần Mạnh Cường	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	10	3.000.000		19-28/2
20	Dương Thị Oanh	K BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	10	3.000.000		19-28/2
21	Nguyễn Lệ Hường	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	8	2.400.000		21-28/2
22	Trần Thu Ngân	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	20	6.000.000		9-28/2
23	Vương Thị Lò	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	19	5.700.000		10-28/2
24	Phan T.Thu Thủy	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	20	6.000.000		1-20/2
25	Trần Thị Hoài	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	19	5.700.000		1-19/2
26	Phạm T. Ánh Tuyết	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	21	6.300.000		1-22/2
27	Nguyễn Thị Hương	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	2	600.000		1-2/2
28	Nguyễn Thị Nam	K BNĐ		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	11	3.300.000		1-11/2
29	Phạm Thị Bông	K BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	10	3.000.000		1-10/2
30	Nguyễn T Nha Trang	LK		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2
31	Trịnh Thị Hường	NTH		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
32	Vũ Đức Nin	UB	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
33	Đinh Tuấn Anh	HHNN		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
34	Cao T.Quỳnh Anh	Sân		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
35	Vũ T.Hồng Yến	RHM		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		22-28/2
36	Trần T.Thu Thảo	NTH		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	8	2.400.000		21-28/2
37	Lê Đức Tuấn	Mắt	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		22-28/2
38	Bùi Như Quỳnh	YHCT		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2
39	Nguyễn Bình Duy	TMH		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2
40	Tô Nguyễn Trường Phi	GM		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
41	Lưu Thị Hoàn	NTH		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
42	Vũ Xuân Thanh	RHM	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
43	Vũ Thị Hương	KB		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
44	Đặng Văn Hợi	K HSTC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		1-7/2
45	Trần Văn Bạch	K HSTC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	21	6.300.000		8-28/2
46	Vũ Đình Đức	K HSTC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		1-7/2
47	Vũ Anh Tuấn	K HSTC	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	21	6.300.000		8-28/2
48	Nguyễn Kim Long	K CDHA		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	15	4.500.000		13-27/2
49	Vũ Văn Huân	K CDHA		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
50	Tạ Quang Tuấn	K CDHA		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	12	3.600.000		1-12/2
51	Nguyễn Tiến Thắng	K HSTC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	4	1.200.000		25-28/2
52	Chu Văn Hà	K Ngoại	khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	4	1.200.000		25-28/2

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
53	Vũ Anh Tú	K TM	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2
54	Phạm Trung Đức	K GMHS		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
55	Nguyễn Văn Tuấn	K PTTK		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
56	Đặng Văn Thành	K HSTC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	4	1.200.000		25-28/2
57	Phạm Đức Long	K GMHS	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	3	900.000		26-28/2
58	Trần Văn Phát	K UB		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2
59	Đào Thủy Vân	PKCS2		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	3	900.000		26-28/2
60	Vũ Văn Anh	K Ngoại		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	3	900.000		26-28/2
61	Trần Phương Thủy	K CT	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		24-28/2
62	Đào Thị Thu Hà	K Sản		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	3	900.000		26-28/2
63	Hoàng Văn Đông	K HH-NN		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	3	900.000		26-28/2
64	Nguyễn Văn Trung	K TM		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	4	1.200.000		26-28/2
65	Vì Hồng Quang	K CT	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
66	Lâm Tuấn Quỳnh	K Mắt		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
67	Nguyễn Xuân Hùng	K YC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
68	Hà Văn Lợi	K UB		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
69	Nguyễn Duy Long	K PTTK	Khám, điều trị người mắc COVID-19	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
70	Trương Thị Lan Anh	K DL	Khám, điều trị người mắc COVID-19	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
71	Nguyễn Thị Thu Trang	PKCS2	Khám, điều trị người mắc COVID-19	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		28/2
72	Đặng Thanh Xuân	K CC	người trực tiếp khám, chẩn đoán người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	8	2.400.000		2.5.9.13.18.21.22.27/2
73	Phạm Thành Luân	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	11	3.300.000		1.4.6.10.12.15.16.19.23.24.26/2

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
74	Phạm Thanh Tùng	K CC	người trực tiếp khám, chẩn đoán người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		8.17.20.25.28/2
75	Nguyễn Kế Nghiệp	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	4	1.200.000		3.7.11.14/2
76	Đào Thanh Hùng	K CC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	9	2.700.000		1.4.7.12.15.18.22.26.28/2
77	Ng Vũ T. Hải Quỳn	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	7	2.100.000		1.5.9.13.16.19.27/2
78	Nguyễn Văn Bệ	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	2	600.000		4.8/2
79	Đào Minh Dương	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	9	2.700.000		3.7.11.18.21.24.25.27.28/2
80	Phạm Thái Dương	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	5	1.500.000		2.10.17.20.24/2
81	Nguyễn T. Hồng Nguyên	K CC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	6	1.800.000		3.6.10.14.22.25/2
82	Lê Thị Thu Hiền	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	4	1.200.000		5.11.15.21/2
83	Phạm Duy Thái	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	2	600.000		8.12/2
84	Bùi Minh Tuấn	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	6	1.800.000		9.13.16.19.23.26/2
85	Bùi Thị Thụ	K CC		300.000	'01/02/2022	28/02/2022	6	1.800.000		2.6.14.17.20.23/2
86	Đào Thị Hiền	Nội TH	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 7/2
87	Tây Ngọc Huyền	Nội TH	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 14/2
88	Dương Thị Thảo	YHCT	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1,5	450.000		1/2 (7.25.26/2)
89	Nguyễn Ngọc Diệp	YHCT	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 7/2
90	Bùi Như Quỳnh	YHCT	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		1/2 (22.23/2)
91	Phạm Thị Hà	Nội TM	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 7/2
92	Đoàn Mạnh Linh	HSTC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 14/2
93	Đặng Văn Quảng	HSTC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 17/2
94	Nguyễn Thị Tinh	Nhi	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 17/2

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
95	Tô Hồng Nhung	Nhi	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 23/2
96	Nguyễn Văn Doanh	Nhi	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 14/2
97	Chu Tuấn Thành	Hô hấp	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		1/2 (7.14/2)
98	Phạm Thị Lan Phương	Hô hấp	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 17/2
99	Trương Thị Chiêu Xuân	Hô hấp	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 25/2
100	Phạm Thu Hà	Mắt	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 14/2
101	Đinh Văn Cường	GPB	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 26/2
102	Nguyễn Thị Minh Thương	Ngoại	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 26/2
103	Cao Thị Thùy Linh	Nội B	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 26/2
104	Vũ Nguyệt Hòa	KKB	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 26/2
105	Nguyễn Thị Thu Huyền	Sân	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1	300.000		1/2 (17.26/2)
106	Trần Thị Tuyết	Sân	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 22/2
107	Vũ Tuyết Minh	TMH	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1,5	450.000		1/2 (22.23.25/2)
108	Hà Thị Tuyền	TMH	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	1,5	450.000		1/2 (17.22.26/2)
109	Dương Hồng Hà	PHCN	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/02/2022	28/02/2022	0,5	150.000		1/2 22/2
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SASR-CoV-2						83	16.600.000		-
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	10	2.000.000		3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27/2

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
2	Trần Thu Huyền	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS,	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	7	1.400.000		(1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27/2)
3	Đỗ Thị Thu	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS,	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	7	1.400.000		(2.4.6.8.10.14.16.18.20.22.24.26.28/2)
4	Đinh Thị An	K KSNK		200.000	'01/02/2022	28/2/2022	7	1.400.000		(1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27/2)
5	Nguyễn Văn Khắc	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	7	1.400.000		(2.4.6.8.10.14.16.18.20.22.24.26.28/2)
6	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	'01/02/2022	28/2/2022	7	1.400.000		(1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27/2)
7	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200.000	'01/02/2022	28/2/2022	7	1.400.000		(2.4.6.8.10.14.16.18.20.22.24.26.28/2)
8	Lâm Thị Thúy Hằng	Nhà sạch K BNĐ	Vệ sinh tẩy uế diệt tác nhân gây bệnh	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	10	2.000.000		8-14.26.27.28/2
9	Nguyễn Thị Hòa	Nhà sạch K BNĐ	Vệ sinh tẩy uế diệt tác nhân gây bệnh	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	10	2.000.000		1-7.23.24.25/2
10	Lại Thị Phương Hải	Nhà sạch K BNĐ	Vệ sinh tẩy uế diệt tác nhân gây bệnh	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	3	600.000		26.27.28/2
11	Mạc Thị Thảo	Nhà sạch K BNĐ	Vệ sinh tẩy uế diệt tác nhân gây bệnh	200.000	'01/02/2022	28/2/2022	8	1.600.000		15-22/2

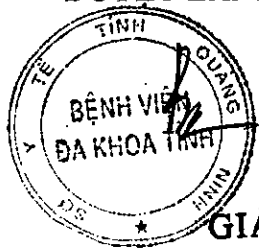
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Nguyễn Thị Việt

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCKI Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thúy Quỳnh

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QB điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
152	Lê Đức Tuấn	Mắt	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
153	Loan Như Tuyên	PHCN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 7/3
154	Dương Hồng Hà	PHCN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
155	Phạm Thị Ngọc	Ngoại	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 7/3
156	Vũ Thị Ánh Tuyết	Lão khoa		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 7/3
157	Nịnh Thị Minh	Lão khoa		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
158	Nguyễn Quốc Thành	Lão khoa	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 14/3
159	Bùi Thị Hương	Tim mạch		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 7/3
160	Trần Thị Khánh Ninh	KKB		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
161	Đỗ Thị Hạnh	KKB	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	1,0	300.000		27/3
162	Ngô Thị Nhung	KKB		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
163	Đào Thị Thuỳ	GPB		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
164	Đặng Thanh Xuân	KCC	Trực tiếp khám, chẩn đoán người mắc, nghi mắc COVID-19 tại CSKCB	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	5,0	1.500.000		3.7.14.21.24/3
165	Phạm Thành Luân	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	9,0	2.700.000		1.2.8.11.15.18.22.26.29/3
166	Phạm Thanh Tùng	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	7,0	2.100.000		4.6.9.12.16.19.25.28.31/3
167	Nguyễn Kế Nghiệp	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8,0	2.400.000		5.10.13.17.20.23.27.30/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
168	Đào Thanh Hùng	KCC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	7,0	2.100.000		1.6.11.15.22.27.31/3
169	Ng Vũ T. Hải Quyên	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	5,0	1.500.000		1.8.13.19.29/3
170	Nguyễn Văn Bệ	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8,0	2.400.000		3.4.7.12.15.19.24.28/3
171	Đào Minh Dương	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6,0	1.800.000		5.10.14.17.21.26/3
172	Phạm Thái Dương	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	3,0	900.000		8.20.23/3
173	Nguyễn T. Hồng Nguyên	KCC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6,0	1.800.000		5.13.17.20.25.29/3
174	Lê Thị Thu Hiền	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6,0	1.800.000		4.9.16.21.26.28/3
175	Phạm Duy Thái	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6,0	1.800.000		3.7.11.18.23.30/3
176	Bùi Minh Tuấn	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8,0	2.400.000		3.9.12.14.18.22.25.31/3
177	Bùi Thị Thu	KCC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6,0	1.800.000		2.6.10.16.24.27/3
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SASR-CoV-2						79	15.800.000		
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	2.000.000		1/2 (1.3.4.7-11.14-17.21-25.28-30/3)

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
2	Nguyễn Anh Tuấn	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	2.000.000		1/2 (1.2.4.5.6.8.9.11.13.14.16.17.19.21.23.25.26.28.30.31/3)
3	Đỗ Thị Thu	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	'01/03/2022	31/3/2022	7,5	1.500.000		1/2 (1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27.30/3)
4	Phùng Thị Tám	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	1.600.000		1/2 (2.4.6.8.10.12.14.16.18.20.22.24.26.28.29.31/3)
5	Hoàng Hồng Nhung	K KSNK		200.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	2.000.000		1/2 (1-4.7.8.10.11.14.15.17.18.21-25.28.30.31/3)
6	Vũ Thị Nhài	K KSNK		200.000	'01/03/2022	31/3/2022	7,5	1.500.000		1/2 (1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27.29/3)
7	Nguyễn Văn Khắc	K KSNK		200.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	1.600.000		1/2 (2.4.6.8.10.12.14.16.18.20.22.24.26.28.29.31/3)
8	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	2.000.000		1/2 (1.3.5-7.9.11.13-15.17.19-21.23-25.27.28.30/3)
9	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	1.600.000		(2.4.6.8.10.12.14.16.18.20.22.24.26.28.29.31/3)

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Nguyễn Phi Vũ

Hoàng Anh Hoa

BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thúy Quỳnh

Tháng 3/2022

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tháng 03/2022

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						226	33.900.000		
1	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	13	1.950.000		15.17.24.26.29.30.31/3
2	Đào Thị Thủy	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	5	750.000		1.2.4.5.7/3
3	Đỗ Thị Phương	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	13	1.950.000		1.2.4.16.17.19.20.22.23.25.26.28.31/3
4	Phan Cẩm Vân	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		1.2.4.5.7.8.10.11.14.16.17.19.20.22.23/5
5	Nguyễn Trà Mi	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		19.20.22.23.25.26.28/3
6	Nguyễn Kim Duyên	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	4	600.000		1.2.4.5/5
7	Phạm Kiều Linh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.16.18.19.21.22.27/3
8	Nguyễn Thị Trang	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	6	900.000		24.25.27.28.29.31/3
9	Bùi Thị Hương	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/3
10	Đoàn Văn Vịnh	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/3
11	Nguyễn Việt Khang	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	6	900.000		24.25.27.28.29.30/3
12	Nguyễn Thị Hương	Sinh Hoá	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	3	450.000		13.24.25/3
13	Đặng Văn Mạnh	Sinh Hoá	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	12	1.800.000		4.6.7.9.10.12.15.16.18.19.21.22/3
14	Lê Hạnh Huyền	Sinh hoá	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	2	300.000		1.3/3
15	Trương T Chiêu Xuân	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		2.3.5.6.8.9.15.18.20.21.23.24.26.27.29/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
16	Phạm Thị Huyền	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21.23/3
17	Giáp Đoàn Thơm	Chấn Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21.23/3
18	Trần Việt Dung	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	8	1.200.000		10.11.14.24.26.27.29.30/3
19	Dương Thị Thảo	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21.23/3
20	Nguyễn Thị Phúc	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	15	2.250.000		9.20.22.23.25.26.28.29/3
21	Nguyễn Thị Dung	Tim mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	2	300.000		13.30/3
22	Trần Việt Hoa	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/03/2022	31/03/2022	2	300.000		8.24/3

DUYỆT LÃNH ĐẠO



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

PHÒNG TCKT

[Signature]
Nguyễn Thị Việt

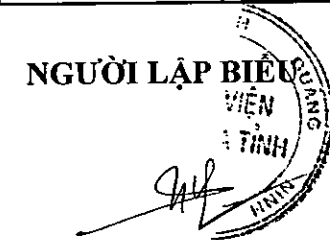
PHÒNG TCCB

[Signature]
Hoàng Quý Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

[Signature]
BSCKL: Bùi Thị Nguyệt Anh

NGƯỜI LẬP BIỂU



[Signature]
Ngô Thủy Quỳnh

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Tháng 03/2022

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000 đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)								222.750.000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC							255	33.150.000		
1	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	NTH	130000		01/03/2022	31/3/2022	10	1.300.000		Trực 7,8,9,10,11,14,15,16,17,18, 21,22,23,24,25,28,29,30,31 /3
2	Nguyễn Văn Tuấn	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	2	260.000		Trực 9,10,11,16/3
3	Ngô Thị Nhung	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	6	780.000		Trực 7,8,9,10,11,14,23,30/3
4	Nguyễn Thị Bích Nga	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	6	780.000		Trực 8,15,16,17,18,21,22/3
5	Nguyễn Thị Nguyên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	0,5	65.000		Trực 10/3
6	Lê Thị Tươi	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	3	390.000		Trực 14,17,22,28,30,31/3
7	Phạm Thị Thuý	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	0,5	65.000		Trực 14/3
8	Trịnh Thị Thu Hiền	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	3,5	455.000		Trực 15,18,21,23,24,25,29/3
9	Phạm Thị Mỹ Linh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	0,5	65.000		Trực 15/3
10	Phạm Thu Trang	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	4	520.000		Trực 24,25,28,29/3
11	Đặng Thị Nhài	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/03/2022	31/3/2022	1	130.000		Trực 31/3
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH										

12	Vũ Việt Anh	KTV CDHA	CDHA	130000		01/03/2022	31/3/2022	3	390.000		Trực 1,2,3/3
TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID											
13	Nguyễn Bá Việt		Giám đốc	130.000		01/03/2022	31/3/2022	8	1.040.000		Trực 7,11,14,16,19,25,28,31/3
14	Đặng Thị Thuý		PGĐ	130.000		01/03/2022	31/3/2022	16	2.080.000		Trực 2,3,5,6,8,10,12,15,17,18,20,22,24,26,28,30/3
15	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130.000		01/03/2022	31/3/2022	7	910.000		Trực 1,4,9,16,21,26,29/3
16	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		01/03/2022	31/3/2022	7	910.000		Trực 3,7,11,14,17,20,30/3
17	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHITH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	10	1.300.000		Trực 1,4,6,8,10,13,19,23,27,31/3
TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẢN											
18	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	13	1.690.000		Trực 2,6,9,10,14,16,17,18,20,22,24,27,30/3
19	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	12	1.560.000		Trực 1,4,7,8,10,11,13,15,16,19,22,25,28/3
20	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	12	1.560.000		Trực 1,4,5,7,10,11,13,16,19,22,25,31/3
21	Phạm Thị Phương Thuý		KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	13	1.690.000		Trực 2,4,5,8,11,12,14,17,20,23,25,27,29/3
22	Nguyễn Thị Thu Phương	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	13	1.690.000		Trực 2,3,5,8,11,13,14,17,20,23,26,29,31/3
23	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	13	1.690.000		Trực 1,3,6,9,10,12,15,18,19,21,24,26,28,29,30/3
24	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/03/2022	31/3/2022	13	1.690.000		Trực 3,6,7,9,12,15,18,21,23,24,27,30,31/3
25	Lương Thanh Hoa	Hậu cần, tham gia hỗ trợ chống dịch trong khu cách ly điều trị covid	QLCL	130.000		01/03/2022	31/3/2022	16	2.080.000		16-31/3
26	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trục phân luồng, sàng lọc	HCQT	130.000		01/03/2022	31/3/2022	15	1.950.000		Trực 2,3,4,8,9,10,14,15,16,20,21,22,26,27,28/3
27	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130.000		01/03/2022	31/3/2022	16	2.080.000		Trực 1,5,6,7,11,12,13,17,18,19,23,24,25,29,30,31/3
28	Bùi Trọng Oánh	Trực Lái xe vận	HCQT	130.000		01/03/2022	31/3/2022	16	2.080.000		Trực 2,3,6,7,10,11,14,15,18,19,22,23,26,27,30,31/3

29	Hoàng Văn Dũng	chuyển người bệnh	HCQT	130.000		01/03/2022	31/3/2022	15	1.950.000		Thực 1,4,5,8,9,12,13,16,17,20,21 24,25,28,29/3
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)							2.370	189.600.000		
1	Lương Xuân Kiên	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	31	2.480.000		01-31/3
2	Bùi Thị Năm		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
3	Đoàn Hoa Anh		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
4	Phạm Văn Ngà		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		03-24/3
5	Phạm T. Hải Ninh		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	11	880.000		21-31/3
6	Đinh Việt Hải		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	20	1.600.000		01-20/3
7	Trần Thị Lý		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
8	Bùi Quỳnh Anh	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	7	560.000		25-31/3
9	Vũ T. Khánh Huyền		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		07-27/3
10	Đặng Thị Lan Anh		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		01-06, 10-31/3
11	Trần Mạnh Cường		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	18	1.440.000		01-18/3
12	Dương Thị Oanh		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	18	1.440.000		01-18/3
13	Nguyễn Lê Hường		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	20	1.600.000		01-20/3
14	Vương Thị Lò		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	9	720.000		01-09/3
15	Trần T Thu Ngân	điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		01-08/3
16	Trần Thị Hoài		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		03-6/3
17	Lê T Minh Hằng		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	21	1.680.000		01-21/3
18	Lê Hải Yến		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		01-22/3
19	Đào T Thu Hương		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		18-25/3
20	Nguyễn Thị Hương		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	11	880.000		21-31/3
21	Nguyễn T. P. Thảo		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	13	1.040.000		19-31/3
22	Nguyễn Thị Nam	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly	K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	11	880.000		21-31/3
23	Phạm T. Ánh Tuyết		K BND		80.000	01/03/2022	31/3/2022	1	80.000		01/3

24	Lê Tiến Tùng	Khu vực cách ly bệnh viện	CĐHA		80.000	01/03/2022	31/3/2022	25	2.000.000		07-31/3
25	Trần Văn Dũng		CĐHA		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		24-27/3
26	Vũ Văn Huân		CĐHA		80.000	01/03/2022	31/3/2022	13	1.040.000		01-13/3
27	Nguyễn T Nha Trang		LK		80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		01-23/3
28	Trịnh Thị Hương		NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	10	800.000		01-10/3
29	Vũ Đức Nin		UB		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
30	Đình Tuấn Anh		HHNN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	31	2.480.000		01-31/3
31	Cao T.Quỳnh Anh		Sân		80.000	01/03/2022	31/3/2022	10	800.000		01-10/3
32	Nguyễn Thị Hằng		TM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	3	240.000		29-31/3
33	Lê T. Minh Trang		NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	3	240.000		29-31/3
34	Đình Thị Xuyến		LK		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
35	Nguyễn Mạnh Quân		TMH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
36	Vũ T.Hồng Yến		RHM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	21	1.680.000		01-21/3
37	Trần T.T Thảo		NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	21	1.680.000		01-21/3
38	Phạm Trung Kiên		NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	29	2.320.000		03-31/3
39	Lê Đức Tuấn		Mắt		80.000	01/03/2022	31/3/2022	21	1.680.000		01-21/3
40	Bùi Như Quỳnh		YHCT		80.000	01/03/2022	31/3/2022	31	2.480.000		01-31/3
41	Nguyễn Bình Duy		TMH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	31	2.480.000		01-31/3
42	Tô Nguyễn T.Phi		GM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
43	Lưu Thị Hoàn		NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
44	Đoàn T. Lan Nhung		DD		80.000	01/03/2022	31/3/2022	16	1.280.000		16-31/3
45	Nguyễn Ngọc Huân		GMHS		80.000	01/03/2022	31/3/2022	29	2.320.000		03-31/3
46	Tây Ngọc Huyền		NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	24	1.920.000		08-31/3
47	Trần Thị Chiên		UB		80.000	01/03/2022	31/3/2022	5	400.000		06-10/3
48	Phạm Thị Thảo		PHCN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	10	800.000		03-12/3

49	Hoàng Thị Mai
50	Hà Thị Tuyền
51	Tổng Đăng Linh
52	Điệp Thị Yến
53	Trần Ngọc Linh
54	Vũ Thị Huệ
55	Nguyễn T. Bích Ngọc
56	Đặng Duy Linh
57	Nguyễn T. Thúy Hằng
58	Mã Phương Thảo
59	Vũ Xuân Thanh
60	Nguyễn Thị Thuận
61	Vũ Thị Hương
62	Nguyễn Tiên Thắng
63	Trần Văn Bạch
64	Đồng Văn Tô
65	Chu Văn Hà
66	Nguyễn Văn Năng
67	Vũ Anh Tú
68	Mai Trọng Ba
69	Phạm Trung Đức
70	Lê Thanh Tùng
71	Nguyễn Văn Tuấn
72	Phạm Anh Duy
73	Nguyễn Thị Loan

Nội B		80.000	01/03/2022	31/3/2022	26	2.080.000		06-31/3
TMH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	26	2.080.000		06-31/3
PTTK		80.000	01/03/2022	31/3/2022	26	2.080.000		06-31/3
Ngoại		80.000	01/03/2022	31/3/2022	26	2.080.000		06-31/3
GM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
DL		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
KB		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
Mắt		80.000	01/03/2022	31/3/2022	10	800.000		22-31/3
RHM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	10	800.000		22-31/3
NTH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	11	880.000		21-31/3
RHM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
YC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
KB		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	31	2.480.000		01-31/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	9	720.000		01-9/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
NGOẠI		80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		01-23/3
C THƯƠNG		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
T MẠCH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		01-23/3
T MẠCH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
GMHS		80.000	01/03/2022	31/3/2022	3	240.000		01-03/3
PHCN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		04-31/3
PTTK		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
GMHS		80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		04-31/3
NT HỢP		80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		04-31/3

74	Cao Thị Quỳnh Anh
75	Trịnh Thị Hương
76	Phạm Văn Thạnh
77	Bùi Huy Tiến
78	Bùi Thị Thu Huyền
79	Đặng Văn Thành
80	Phạm Đức Long
81	Trần Văn Phát
82	Nguyễn Thúy Hà
83	Đào Thúy Vân
84	Vũ Văn Anh
85	Trần Phương Thủy
86	Quách Thị Thanh Phương
87	Đào Thị Thu Hà
88	Hoàng Văn Đông
89	Vũ Anh Tuấn
90	Hoàng Thu Giang
91	Nguyễn Văn Trung
92	Vi Hồng Quang
93	Hoàng Thị Hồng
94	Lâm Tuấn Quỳnh
95	Nguyễn Xuân Hùng
96	Hà Văn Lợi
97	Nguyễn Duy Long
98	Trương Thị Lan Anh

SẢN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
NT HỢP		80.000	01/03/2022	31/3/2022	13	1.040.000		11-23/3
NT HỢP		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		05-31/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		05-31/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	24	1.920.000		01-24/3
GMHS		80.000	01/03/2022	31/3/2022	25	2.000.000		01-25/3
U BƯỚU		80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		01-23/3
U BƯỚU		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
PKCS2		80.000	01/03/2022	31/3/2022	25	2.000.000		01-25/3
NGOẠI		80.000	01/03/2022	31/3/2022	25	2.000.000		01-25/3
C THƯƠNG		80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		01-23/3
NT HỢP		80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
SẢN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	25	2.000.000		01-25/3
HHNN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	25	2.000.000		01-25/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	9	720.000		01-09/3
HSTC		80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		09-31/3
T MẠCH		80.000	01/03/2022	31/3/2022	24	1.920.000		01-24/3
C THƯƠNG		80.000	01/03/2022	31/3/2022	15	1.200.000		01-15/3
C THƯƠNG		80.000	01/03/2022	31/3/2022	16	1.280.000		16-31/3
MẮT		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
Y CẦU		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
U BƯỚU		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
PTTK		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3
D LIỄU		80.000	01/03/2022	31/3/2022	27	2.160.000		01-27/3

101	Vũ Thị Thương	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	T MẠCH	80.000	01/03/2022	31/3/2022	29	2.320.000		03-31/3
102	Lục Tuấn Ngọc		PTTK	80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		03-31/3
103	Trần Ích Bình		C CỨU	80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		03-31/3
104	Vũ Ngọc Doanh		C THƯƠNG	80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		03-31/3
105	Nguyễn Thị Mai Phương		NGOẠI	80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		03-31/3
106	Trần Thị tuyết		SẢN	80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		03-31/3
107	Phạm Quang Tuấn Anh		KTVCDHA	80.000	01/03/2022	31/3/2022	28	2.240.000		03-31/3
108	Nguyễn Thị Hà		PTTK	80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
109	Phạm Thị Thảo		PHCN	80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
110	Phạm Thị Hải Ninh		YHCT	80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
111	Nguyễn Diệp Linh		PHCN	80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		09-31/3
112	Trần Cao Sơn		C CỨU	80.000	01/03/2022	31/3/2022	12	960.000		10-21/3
113	Phạm Văn Sơn		C CỨU	80.000	01/03/2022	31/3/2022	10	800.000		22-31/3
114	Trần Thị Chiên		U BƯỚU	80.000	01/03/2022	31/3/2022	24	1.920.000		08-31/3
115	Trần Thị Hường	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	HHNN	80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
116	Phạm Thái Dương		C CỨU	80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
117	Đỗ Thị Ly		T MẠCH	80.000	01/03/2022	31/3/2022	22	1.760.000		10-31/3
118	Nguyễn Thị Bích Liên		L HỌC	80.000	01/03/2022	31/3/2022	21	1.680.000		11-31/3
119	Nguyễn Thị Huệ		SẢN	80.000	01/03/2022	31/3/2022	23	1.840.000		09-31/3
120	Lương Thanh Hoa		QLCL	80.000	01/03/2022	31/3/2022	16	1.280.000		16-31/3
121	Quách Thị Thanh Phương		NTH	80.000	01/03/2022	31/3/2022	8	640.000		24-31/3
122	Lê Đăng Giang		TM	80.000	01/03/2022	31/3/2022	7	560.000		25-31/3
123	Đoàn Mạnh Linh		HSTC	80.000	01/03/2022	31/3/2022	7	560.000		25-31/3
124	Phạm Thị Uyên		GMHS	80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3
125	Vũ Thị Thơ		PKS2	80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3

124	Phạm Thị Uyên	người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	GMHS		80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3
125	Vũ Thị Thơ		PKS2		80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3
126	Bùi Bích Hạnh		Ngoại		80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3
127	Phạm Thị Hương		Sản		80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3
128	Lê Xuân Quang		HHNN		80.000	01/03/2022	31/3/2022	6	480.000		26-31/3
129	Phạm Thu Hà		Mắt		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
130	Trần Hương Giang		RHM		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
131	Lê Thị Quỳnh		UB		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3
132	Trần Mạnh Cường		CCL		80.000	01/03/2022	31/3/2022	4	320.000		28-31/3

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Việt
Nguyễn Thị Việt

Nguyễn
Hương Nguyệt Hoa

Nguyệt
BSCKI. Bùi Thị Nguyệt Anh

Đặng
Đặng Thị Ánh Nguyệt

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Từ Tháng 02/2021 đến Tháng 12/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)									
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Trần Thị Ánh	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	21	6.300.000		
2	Nguyễn Hằng Ly	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	13	3.900.000		
3	Lê Thị Thu Hằng	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	54	16.200.000		
4	Nguyễn Thị Thuận	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	61	18.300.000		
5	Vũ Xuân Dương	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	79	23.700.000		
6	Tô Thị Thu Hà	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	45	13.500.000		
7	Nguyễn Xuân Hùng	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	55	16.500.000		
8	Phạm Thị Mơ	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	32	9.600.000		
9	Phạm Thị Kim Thúy	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	48	14.400.000		
10	Hòa Thị Hồng	K YC	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	47	14.100.000		

11	Trần Huyền Trang	K YC	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	41	12.300.000		
12	Nhâm Thị Thu Phương	K YC	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	39	11.700.000		
13	Đỗ Thị Hiền	K YC	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	4	1.200.000		
14	Bùi Thị Mỹ Linh	TKCS	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
15	Nguyễn Thị Hoài Phương	K CT	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1,5	450.000		
16	Nguyễn Thị Minh Huyền	K Nhi	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1,5	450.000		
17	Đỗ Văn Thế	K Mắt	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	0,5	150.000		
18	Hoàng Thị Thu Trang	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3,5	1.050.000		
19	Nịnh Thị Phương	K Ngoại	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
20	Nguyễn Thị Trà Mi	K Ngoại	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
21	Phạm Thị Ngọc	K Ngoại	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2,5	750.000		
22	Lài Thị Thu	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3	900.000		
23	Nguyễn Thị Loan	K KB	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
24	Nguyễn Thị Mai	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	4	1.200.000		
25	Trần Thị Bảy	K KB	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
26	Phạm Thị Thu Trang	K KB	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
27	Nguyễn Thị Thu Trang	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3	900.000		
28	Nguyễn Thị Thu Hương	K KB	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
29	Lê Văn Tuyền	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3	900.000		
30	Đoàn Thị Hà	K KB	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
31	Đào Thúy Vân	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3	900.000		
32	Ngô Thị Nhung	K KB	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
33	Phạm Ngọc Bích	PK CS2	Lấy mẫu,gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3	900.000		

34	Vũ Thị Thơ	PK CS2	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	3	900.000		
35	Vũ Thị Hương	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
36	Nguyễn Thị Hương	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
37	Phan Thị Thanh Hà	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
38	Đoàn Thị Oanh	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
39	Phạm Thị Thủy	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
40	Đặng Thị Nhài	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
41	Nguyễn Thị Nguyệt	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
42	Nguyễn Thị Hương	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
43	Ngô Thị Nhung	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
44	Lê Thị Linh	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
45	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
46	Đoàn Thị Oanh	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
47	Vũ Văn Minh	GMHS	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	2	600.000		
48	Vũ Thị Ngân	K Mắt	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
49	Lê Thị Liên	K KB	Lấy mẫu, gộp mẫu SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/02/2021	31/12/2021	1	300.000		
Tổng cộng							602,5	180.750.000		



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Vũ

PHÒNG TCCB

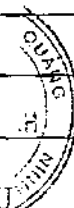
Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

BSCCK: Bùi Thị Nguyệt Linh

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thúy Quỳnh



BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số DT25 ngày 27 tháng 07 năm 2022)

Tài khoản dự toán: 9527.2.1017339

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH**

2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản 440280701009 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: **Phụ cấp thường trực, chống dịch, tiền ăn cho người tham gia phòng chống dịch**

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
			Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng Cộng :			1.820.170.000	0	0	0	0	1.820.170.000			
1	Pham Thi My Linh	44010000475863	BIDV Quảng ninh	65.000					65.000			
2	Nguyen Thi Ut	44010000530160	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
3	Nguyen Thi Van Anh	44010000249749	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
4	Dang Van Quang	44010000302235	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
5	Dinh Van Cuong	44010000351422	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
6	Nguyen Ngoc Diep	44010000478002	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
7	Nguyen Thi Minh Thuong	44010000701142	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
8	Nguyen Thi Tinh	44010000420845	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
9	To Hong Nhung	44010000479430	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
10	Cao Thi Thuy Linh	44010000477966	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
11	Dao Thi Hien	44010000705764	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
12	Pham Thi Ha	44010000705968	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
13	Nguyen Van Tuan	44010000247789	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
14	Hy Thi Lan	44010000529867	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
15	Tran Thi Khanh Ninh	44010000083442	BIDV Quảng ninh	280.000					280.000			
16	Bui Thi Huong	44010000477957	BIDV Quảng ninh	280.000					280.000			
17	Bui Thi My Linh	44010000818608	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
18	Phan Thi Thanh Ha	44010000082591	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			

19	Le Hanh Huyen	44010000084940	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
20	Le Thi Lien	44010000179226	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
21	Vu Thi Ngan	44010000084339	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
22	Nguyen Thi Thu Huyen	44010000178287	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
23	Nguyen Thi Loan	44010000082759	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
24	Le Thi Linh	44010000616130	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
25	Pham Thi Lan Phuong	44010000620609	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
26	Bui Thi Dieu	44010000817890	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
27	Pham Thi Thuy	44010000615289	BIDV Quảng ninh	365.000					365.000			
28	Le Thi Tui	44010000290260	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
29	Bui Thi Mai Phuong	44010000616103	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
30	Vu Thi Nga	44010000689770	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
31	Bui Ngoc Son	44010000086122	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
32	Nguyen Thi Huong	44010000083406	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
33	Nguyen Thanh Tuan	44010000088757	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
34	Nguyen Thi Hoai Phuong	44010000588071	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
35	Nguyen Thi Minh Huyen	44010000705843	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
36	Nguyen Van Doanh	44010000311514	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
37	Luu Thi Thu Huong	44010000309218	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
38	Trinh Thi Thu Hien	44010000460188	BIDV Quảng ninh	455.000					455.000			
39	Nguyen Duy Chinh	44010000689947	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
40	Pham Thi Thanh Tam	44010000313680	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
41	Nguyen Thanh Dat	44010000690055	BIDV Quảng ninh	540.000					540.000			
42	Dao Thi Hong Hanh	44010000086724	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
43	Pham Tuan Anh Manh	44010000083585	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
44	Doan Thi Oanh	44010000088845	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
45	Nguyen Thi Thu Huong	44010000082564	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
46	Nguyen Thi An	44010000083309	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
47	Dinh Duc Thuan	44010000086380	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
48	Tran Thi Bay	44010000239379	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
49	Bui Thi Bich Lien	44010000084302	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
50	Le Thi Xuan	44010000090150	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
51	Vu Xuan Van	44010000111334	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
52	Huynh Le Tu	44010000086043	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
53	Luong Thi Thuy Hang	44010000088854	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			

54	Dinh Huu Trung	44010000082157	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
55	Tran Van Quan	44010000083877	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
56	Nguyen Thi Hang	44010000082698	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
57	Phan Kim Huong	44010000204447	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
58	Trinh Ngoc Duong	44010000083345	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
59	Nguyen Thi Thuy	44010000336614	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
60	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
61	Chu Tuan Thanh	44010000615678	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
62	Ninh Thi Phuong	44010000701249	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
63	Vu Van Minh	44010000701124	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
64	Doan Thi Trang Nhung	44010000082227	BIDV Quảng ninh	670.000					670.000			
65	Nguyen Van Toan	44010000190494	BIDV Quảng ninh	670.000					670.000			
66	Nguyen Thi Hanh	44010000960457	BIDV Quảng ninh	715.000					715.000			
67	Hoang Ha My	44010000813807	BIDV Quảng ninh	715.000					715.000			
68	Tran Thi Viet Hoa	44010000086733	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
69	Tran Thi Tuyet	44010000082023	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
70	Do Thanh Huyen	44010000083275	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
71	Nguyen Thanh Ngan	44010000083381	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
72	Hoang Thi Hai	44010000082342	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
73	Duong Van Trung	44010000082412	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
74	Nguyen Thi Du	44010000085484	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
75	Vu Nguyet Hoa	44010000382079	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
76	Nguyen Thi Anh Nguyet	44010000202238	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
77	Nguyen Thi Nguyen	44010000478279	BIDV Quảng ninh	755.000					755.000			
78	Dinh Ba Khanh	44010000954919	BIDV Quảng ninh	760.000					760.000			
79	Le thanh dung	44010000290437	BIDV Quảng ninh	760.000					760.000			
80	Dinh Thi Thuy An	44010000529450	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			
81	Luong Thi Nguyet	44010000119949	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			
82	Vu Viet Anh	44010000120659	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			
83	Luu Thi Tam	44010000478093	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
84	Do Ngoc Thanh Tam	44010000301737	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
85	Tran Minh Duc	44010000381021	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
86	Vu Thi Anh Tuyet	44010000616097	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
87	Do Thi Hanh	44010000615508	BIDV Quảng ninh	820.000					820.000			
88	Nguyen Thi Mai	44010000084232	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			

89	Nguyễn Thị Thu Trang	44010000954751	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
90	Doan Thi Van Anh	44010000258505	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
91	Do Quang The	44010000259030	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
92	Pham Thi Ngoc	44010000701285	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
93	Dao Thi Huong	44010000421149	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
94	Nguyen Thi Huyen Trang(2)	44010000954812	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
95	Nguyen Viet Khang	44010000616024	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
96	Nguyen Quoc Thanh	44010000258903	BIDV Quảng ninh	930.000					930.000			
97	Ly Thi Cuc	44010000485534	BIDV Quảng ninh	1.050.000					1.050.000			
98	Pham Thu Trang	44010000084320	BIDV Quảng ninh	1.120.000					1.120.000			
99	Le Thi Minh Trang	44010000602519	BIDV Quảng ninh	1.140.000					1.140.000			
100	Do Thi Hien	44010000810686	BIDV Quảng ninh	1.200.000					1.200.000			
101	Nguyen Thi Bich Nga	44010000576979	BIDV Quảng ninh	1.230.000					1.230.000			
102	Pham Thi Toan	44010000084065	BIDV Quảng ninh	1.350.000					1.350.000			
103	Nguyen Thi Hang	44010000528086	BIDV Quảng ninh	1.400.000					1.400.000			
104	Dinh Thi An	44010000086715	BIDV Quảng ninh	1.400.000					1.400.000			
105	Tran Thu Huyen	44010000086113	BIDV Quảng ninh	1.400.000					1.400.000			
106	Pham Ngoc Bich	44010000120428	BIDV Quảng ninh	1.420.000					1.420.000			
107	Lai Thi Thu	44010000137561	BIDV Quảng ninh	1.420.000					1.420.000			
108	Nguyen Thi Huong	44010000119824	BIDV Quảng ninh	1.440.000					1.440.000			
109	Pham Thi Ngat	44010000409613	BIDV Quảng ninh	1.450.000					1.450.000			
110	Vu Thi Nhai	44010000086195	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
111	Bui Thi Nam	44010000087091	BIDV Quảng ninh	1.520.000					1.520.000			
112	Pham Trung Duc	44010000242067	BIDV Quảng ninh	1.520.000					1.520.000			
113	Tran Huong Giang	44010000226414	BIDV Quảng ninh	1.520.000					1.520.000			
114	Le Thi Quynh	44010000259085	BIDV Quảng ninh	1.520.000					1.520.000			
115	Le Khắc Hoang Son	44010000413155	BIDV Quảng ninh	1.560.000					1.560.000			
116	Tran Anh Tuyen	44010000592054	BIDV Quảng ninh	1.560.000					1.560.000			
117	Tran Thi Thuy Nga	44010000084676	BIDV Quảng ninh	1.650.000					1.650.000			
118	Vu Thi Hue	44010000620423	BIDV Quảng ninh	1.650.000					1.650.000			
119	Doan Thi Ha	44010000205468	BIDV Quảng ninh	1.665.000					1.665.000			
120	Pham Thu Ha	44010000206665	BIDV Quảng ninh	1.670.000					1.670.000			
121	Le Van Tuyen	44010000082582	BIDV Quảng ninh	1.680.000					1.680.000			
122	Dang Thi Nhai	44010000119842	BIDV Quảng ninh	1.730.000					1.730.000			
123	Duong Hong Ha	44010000620627	BIDV Quảng ninh	1.740.000					1.740.000			

124	LAI THI PHUONG HAI	44810000489684	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
125	Nguyen Thi Thanh	44010000084047	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
126	Nguyen Thi Trang	44010000478066	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
127	Đào Thi Thuy	44010000813773	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
128	Nguyen Thi Kim Duyen	44010000615270	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
129	Nguyen Thi Mai	44010000120394	BIDV Quảng ninh	1.850.000					1.850.000			
130	Pham Thi Thuy	44010000082014	BIDV Quảng ninh	1.950.000					1.950.000			
131	Nguyen Thi Bích Ngọc	44010000478127	BIDV Quảng ninh	1.950.000					1.950.000			
132	Do Thi Phuong	44010000324354	BIDV Quảng ninh	1.950.000					1.950.000			
133	Hoang Hong Nhung	44010000205486	BIDV Quảng ninh	2.000.000					2.000.000			
134	Tran Viet Dung	44010000082193	BIDV Quảng ninh	2.000.000					2.000.000			
135	Nguyen Anh Tuan	44010000086414	BIDV Quảng ninh	2.000.000					2.000.000			
136	Phan Van Thien	44010000539538	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
137	Ngo Thi Nhung	44010000088793	BIDV Quảng ninh	2.090.000					2.090.000			
138	Tran Manh Hung	44010000088951	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			
139	Tran Thi Thu Trang	44010000356047	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
140	Nguyen Thi Lan Anh	44010000082148	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
141	Du Thi Huyen	44010000316777	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
142	Doan Thi Phuong Thao	44010000083965	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
143	Nguyen Thi Phuc	44010000084816	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
144	Nguyen Thi Thu Huong	44010000084700	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
145	Nguyen Van Manh	44010000205501	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
146	Lê Đình Quan	44010000258754	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
147	Bui Van Phuc	44010000954511	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
148	Pham Kieu Linh	44010000478057	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
149	Pham Thi Nga	44010000506329	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
150	Doan Thi Thuy Ninh	44010000421477	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
151	Pham Thi Ninh	44010000573998	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
152	Nguyen Thi Van	44010000540460	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
153	Pham Thi Huyen	44010000254035	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
154	Bui Bích Hanh	44010000612633	BIDV Quảng ninh	2.280.000					2.280.000			
155	Pham Thi Uyen	44010000410101	BIDV Quảng ninh	2.280.000					2.280.000			
156	Pham Thi Huong	44010000178296	BIDV Quảng ninh	2.280.000					2.280.000			
157	Phung Thi Tam	44010000205802	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
158	Loan Nhu Tuyen	44010000324442	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			

159	Pham Thi Minh Hien	44010000701416	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
160	Pham Duy Thai	44010000211173	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
161	Ninh Thi Minh	44010000620681	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
162	Nguyen Thi Dung	44010000477887	BIDV Quảng ninh	2.550.000					2.550.000			
163	Le Dang Giang	44010000303098	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
164	Vu Tuyet Minh	44010000178764	BIDV Quảng ninh	2.700.000					2.700.000			
165	Duong Thi Thao	44010000179439	BIDV Quảng ninh	2.700.000					2.700.000			
166	MAC THI THAO	44010000979338	BIDV Quảng ninh	2.800.000					2.800.000			
167	Doan Manh Linh	44010000217658	BIDV Quảng ninh	2.810.000					2.810.000			
168	Nguyen Thi Tra Mi	44010000616592	BIDV Quảng ninh	2.850.000					2.850.000			
169	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng ninh	2.860.000					2.860.000			
170	Do Thi Thu	44010000086405	BIDV Quảng ninh	2.900.000					2.900.000			
171	Nguyen Van Khac	44010000085369	BIDV Quảng ninh	3.000.000					3.000.000			
172	Nguyen Van Be	44010000226469	BIDV Quảng ninh	3.000.000					3.000.000			
173	Le Thi Thu Hien	44010000477814	BIDV Quảng ninh	3.000.000					3.000.000			
174	Nguyen Van Nang	44010000239838	BIDV Quảng ninh	3.040.000					3.040.000			
175	Pham Van Thanh	44010000529432	BIDV Quảng ninh	3.040.000					3.040.000			
176	Mai Trong Ba	44010000462883	BIDV Quảng ninh	3.040.000					3.040.000			
177	Nguyen Thuy Ha	44010000705773	BIDV Quảng ninh	3.040.000					3.040.000			
178	Pham Cam Van	44010000085271	BIDV Quảng ninh	3.150.000					3.150.000			
179	Vu Thi Tho	44010000409677	BIDV Quảng ninh	3.180.000					3.180.000			
180	Luong Thanh Hoa	44010000651724	BIDV Quảng ninh	3.360.000					3.360.000			
181	Nguyen Ba Viet	44010000074172	BIDV Quảng ninh	3.510.000					3.510.000			
182	Bui Thi Thu	44010000206726	BIDV Quảng ninh	3.600.000					3.600.000			
183	Nguyen Ke Nghiep	44010000539510	BIDV Quảng ninh	3.600.000					3.600.000			
184	Nguyen Vu Thi Hai Quyen	44010000083804	BIDV Quảng ninh	3.600.000					3.600.000			
185	Pham Thanh Tung	44010000548677	BIDV Quảng ninh	3.600.000					3.600.000			
186	Nguyen Thi Hong Nguyen	44010000409686	BIDV Quảng ninh	3.600.000					3.600.000			
187	Le Xuan Quang	44010000181674	BIDV Quảng ninh	3.630.000					3.630.000			
188	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng ninh	3.770.000					3.770.000			
189	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng ninh	3.770.000					3.770.000			
190	Tran Ngoc Linh	44010000954627	BIDV Quảng ninh	3.770.000					3.770.000			
191	Dinh Thi Hai Ha	44010000356144	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
192	Nguyen Thi Thuy Hang	44010000082184	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
193	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			

194	Pham Thi Bong	44010000083150	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
195	Pham Van Son	44010000615252	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
196	Dinh Thi Xuyen	44010000308765	BIDV Quảng ninh	3.885.000					3.885.000			
197	Nguyen Hang Ly	44010000356056	BIDV Quảng ninh	3.900.000					3.900.000			
198	Dang Thanh Xuan	44010000289958	BIDV Quảng ninh	3.900.000					3.900.000			
199	Nguyen Thi Hoang Yen	44010000083354	BIDV Quảng ninh	4.030.000					4.030.000			
200	Dang Van Manh	44010000083390	BIDV Quảng ninh	4.050.000					4.050.000			
201	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng ninh	4.160.000					4.160.000			
202	Ma Phuong Thao	44010000620636	BIDV Quảng ninh	4.180.000					4.180.000			
203	NGUYEN THI HOA	44010000977518	BIDV Quảng ninh	4.200.000					4.200.000			
204	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng ninh	4.200.000					4.200.000			
205	Bui Minh Tuan	44010000258976	BIDV Quảng ninh	4.200.000					4.200.000			
206	Truong Thi Chieu Xuan	44010000701586	BIDV Quảng ninh	4.350.000					4.350.000			
207	Dao Minh Duong	44010000260069	BIDV Quảng ninh	4.500.000					4.500.000			
208	Dang Do Khanh Huyen	44010000954937	BIDV Quảng ninh	4.500.000					4.500.000			
209	Tran Cao Son	44010000058440	BIDV Quảng ninh	4.560.000					4.560.000			
210	Dang Thi Anh Tuyet	44010000646872	BIDV Quảng ninh	4.680.000					4.680.000			
211	Nguyen Thi Hai Yen	44010000810677	BIDV Quảng ninh	4.680.000					4.680.000			
212	LAM THI THUY HANG	44010000977527	BIDV Quảng ninh	4.800.000					4.800.000			
213	Nguyen Hong Ngoc	44010000954928	BIDV Quảng ninh	4.800.000					4.800.000			
214	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng ninh	4.810.000					4.810.000			
215	Pham Thi Phuong Thuy	44010000120844	BIDV Quảng ninh	4.810.000					4.810.000			
216	Pham Quang Huy	44010000149405	BIDV Quảng ninh	4.940.000					4.940.000			
217	Ta Quang Tuan	44010000701470	BIDV Quảng ninh	4.940.000					4.940.000			
218	Hoang Van Dung	44010000193651	BIDV Quảng ninh	4.940.000					4.940.000			
219	Vu Thi Thuy	44010000082555	BIDV Quảng ninh	4.950.000					4.950.000			
220	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng ninh	5.070.000					5.070.000			
221	Bui Trong Oanh	44010000577635	BIDV Quảng ninh	5.070.000					5.070.000			
222	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng ninh	5.200.000					5.200.000			
223	Dao Thanh Hung	44010000082722	BIDV Quảng ninh	5.250.000					5.250.000			
224	Doan Van Vinh	44010000616060	BIDV Quảng ninh	5.250.000					5.250.000			
225	Giap Doan Thom	44010000954760	BIDV Quảng ninh	5.250.000					5.250.000			
226	Vu Van Huan	44010000249509	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
227	Bui Van Trai	44010000381580	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
228	Bui Thi Hường	44010000954867	BIDV Quảng ninh	5.400.000					5.400.000			

229	Nguyen Kim Long	44010000701489	BIDV Quảng ninh	5.700.000					5.700.000			
230	Hoang Thi Thu Trang	44010000199154	BIDV Quảng ninh	5.850.000					5.850.000			
231	Le Hoai Thanh	44010000085138	BIDV Quảng ninh	5.850.000					5.850.000			
232	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng ninh	5.850.000					5.850.000			
233	Pham Thanh Luan	44010000323759	BIDV Quảng ninh	6.000.000					6.000.000			
234	Dang Duy Linh	44010000577608	BIDV Quảng ninh	6.050.000					6.050.000			
235	Doan Thi Lan Nhung	44010000086803	BIDV Quảng ninh	6.080.000					6.080.000			
236	Vi Hong Quang	44010000257496	BIDV Quảng ninh	6.080.000					6.080.000			
237	Hoang Thi Hong	44010000617063	BIDV Quảng ninh	6.080.000					6.080.000			
238	Tran Thi Anh	44010000616662	BIDV Quảng ninh	6.300.000					6.300.000			
239	Tran Van Dung	44010000467639	BIDV Quảng ninh	6.840.000					6.840.000			
240	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng ninh	7.050.000					7.050.000			
241	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng ninh	7.200.000					7.200.000			
242	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng ninh	7.200.000					7.200.000			
243	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng ninh	7.500.000					7.500.000			
244	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng ninh	7.500.000					7.500.000			
245	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng ninh	7.800.000					7.800.000			
246	Quach Thi Thanh Phuong	44010000616158	BIDV Quảng ninh	7.880.000					7.880.000			
247	Phan Thi Thu Thuy	44010000409765	BIDV Quảng ninh	7.980.000					7.980.000			
248	Vu Thuy Dung	44010000820454	BIDV Quảng ninh	8.100.000					8.100.000			
249	Nguyen Thi Bich Lien	44010000769007	BIDV Quảng ninh	8.130.000					8.130.000			
250	Dong Van To	44010000530568	BIDV Quảng ninh	8.360.000					8.360.000			
251	Tran Thi Huong	44010000081978	BIDV Quảng ninh	8.360.000					8.360.000			
252	Hoang Thu Giang	44010000612864	BIDV Quảng ninh	8.740.000					8.740.000			
253	Nguyen Thi Hue(Yc)(1990)	44010000309272	BIDV Quảng ninh	8.740.000					8.740.000			
254	Nguyen Thi Ha	44010000954733	BIDV Quảng ninh	9.110.000					9.110.000			
255	Tay Ngoc Huyen	44010000701540	BIDV Quảng ninh	9.270.000					9.270.000			
256	Le Thi Minh Hang	44010000082971	BIDV Quảng ninh	9.500.000					9.500.000			
257	Vu Dinh Duc	44010000612651	BIDV Quảng ninh	9.500.000					9.500.000			
258	Lê Tien Tung	44010000810561	BIDV Quảng ninh	9.500.000					9.500.000			
259	Pham Thi Mo	44010000701504	BIDV Quảng ninh	9.600.000					9.600.000			
260	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng ninh	9.600.000					9.600.000			
261	Tran Thi Hoai	44010000818741	BIDV Quảng ninh	9.880.000					9.880.000			
262	Tong Dang Linh	44010000421185	BIDV Quảng ninh	9.880.000					9.880.000			
263	Dang Van Hoi	44010000689725	BIDV Quảng ninh	9.880.000					9.880.000			

264	Diep Thi Yen	44010000612721	BIDV Quảng ninh	9.880.000					9.880.000			
265	Hoang Thi Mai	44010000085907	BIDV Quảng ninh	9.880.000					9.880.000			
266	Pham Thi Hai Ninh	44010000358122	BIDV Quảng ninh	10.260.000					10.260.000			
267	Chu Van Ha	44010000351769	BIDV Quảng ninh	10.260.000					10.260.000			
268	Nguyen Manh Quan	44010000539635	BIDV Quảng ninh	10.260.000					10.260.000			
269	Bui Thi Thu Huyen	44010000962763	BIDV Quảng ninh	10.260.000					10.260.000			
270	Bui Nhu Tien	44010000960411	BIDV Quảng ninh	10.260.000					10.260.000			
271	Do Thi Ly	44010000240548	BIDV Quảng ninh	10.310.000					10.310.000			
272	Lam Tuan Quynh	44010000179402	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
273	Nguyen Thi Mai Phuong	44010000253926	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
274	Le Thanh Tung	44010000292992	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
275	Pham Duc Long	44010000188949	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
276	Nguyen Thi Nha Trang	44010000242599	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
277	Vu Anh Tu	44010000462193	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
278	Vu Duc Nin	44010000322400	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
279	Ha Van Loi	44010000335985	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
280	Luc Tuan Ngoc	44010000618914	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
281	Nguyen Duy Long	44010000226496	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
282	Nguyen Van Tuan	44010000689673	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
283	Tran Phuong Thuy	44010000620450	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
284	Vu Ngoc Doanh	44010000617221	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
285	Truong Thi Lan Anh	44010000356472	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
286	Tran Ich Binh	44010000421176	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
287	Hoang Van Dong	44010000257478	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
288	Vu Van Anh	44010000234709	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
289	Nguyen Thi Loan	44010000467781	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
290	Luu Thi Hoan	44010000478400	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
291	Trinh Thi Huong	44010000592063	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
292	Pham Anh Duy	44010000591006	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
293	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
294	Pham Quang Tuan Anh	44010000615997	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
295	Bui Thi Thu Huyen	44010000954690	BIDV Quảng ninh	10.640.000					10.640.000			
296	Pham Thai Duong	44010000409695	BIDV Quảng ninh	10.760.000					10.760.000			
297	Nguyen Van Trung	44010000954539	BIDV Quảng ninh	10.790.000					10.790.000			
298	Lê Đức Tuan	44010000811209	BIDV Quảng ninh	10.790.000					10.790.000			

299	Vu Thi Huong	44010000479528	BIDV Quảng ninh	10.940.000					10.940.000			
300	Nguyen Diep Linh	44010000817322	BIDV Quảng ninh	10.990.000					10.990.000			
301	Bui Quynh Anh	44010000529441	BIDV Quảng ninh	11.020.000					11.020.000			
302	Dao Thi Thu Huong	44010000479661	BIDV Quảng ninh	11.020.000					11.020.000			
303	Vu Thi Thuong	44010000701258	BIDV Quảng ninh	11.020.000					11.020.000			
304	Nguyen Ngoc Huan	44010000422018	BIDV Quảng ninh	11.020.000					11.020.000			
305	Tran Thi Chien	44010000615377	BIDV Quảng ninh	11.020.000					11.020.000			
306	Dao Thi Thu Ha	44010000313769	BIDV Quảng ninh	11.050.000					11.050.000			
307	Tran Thi Thu Thao	44010000701267	BIDV Quảng ninh	11.170.000					11.170.000			
308	Pham Thi Hai Ninh	44010000301816	BIDV Quảng ninh	11.210.000					11.210.000			
309	Dang Van Thanh	44010000090275	BIDV Quảng ninh	11.240.000					11.240.000			
310	Tran Van Bach	44010000529627	BIDV Quảng ninh	11.240.000					11.240.000			
311	Vu Xuan Thanh	44010000084436	BIDV Quảng ninh	11.420.000					11.420.000			
312	Dao Thuy Van	44010000084153	BIDV Quảng ninh	11.540.000					11.540.000			
313	Tran Van Phat	44010000072149	BIDV Quảng ninh	11.540.000					11.540.000			
314	Nguyen Thi Thu Trang	44010000615650	BIDV Quảng ninh	11.670.000					11.670.000			
315	Nham Thi Thu Phuong	44010000356436	BIDV Quảng ninh	11.700.000					11.700.000			
316	Luong Xuan Kien	44010000082856	BIDV Quảng ninh	11.780.000					11.780.000			
317	Vu Anh Tuan	44010000620344	BIDV Quảng ninh	12.000.000					12.000.000			
318	Nguyen Thi Huong	44010000199358	BIDV Quảng ninh	12.160.000					12.160.000			
319	Dinh Tuan Anh	44010000313802	BIDV Quảng ninh	12.160.000					12.160.000			
320	Pham Thi Thao	44010000258879	BIDV Quảng ninh	12.290.000					12.290.000			
321	Tran Huyen Trang	44010000311851	BIDV Quảng ninh	12.300.000					12.300.000			
322	Cao Thi Quynh Anh	44010000416020	BIDV Quảng ninh	12.540.000					12.540.000			
323	Ha Thi Tuyen	44010000119967	BIDV Quảng ninh	12.580.000					12.580.000			
324	To Nguyen Truong Phi	44010000954636	BIDV Quảng ninh	12.890.000					12.890.000			
325	Nguyen Thi Ph Thao	44010000479643	BIDV Quảng ninh	12.920.000					12.920.000			
326	Tran Thi Tuyen	44010000356092	BIDV Quảng ninh	13.040.000					13.040.000			
327	Pham Trung Kien	44010000259137	BIDV Quảng ninh	13.270.000					13.270.000			
328	Nguyen Tien Thang	44010000247770	BIDV Quảng ninh	13.300.000					13.300.000			
329	Nguyen Binh Duy	44010000175163	BIDV Quảng ninh	13.830.000					13.830.000			
330	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng ninh	14.060.000					14.060.000			
331	Duong Thi Oanh	44010000320112	BIDV Quảng ninh	14.060.000					14.060.000			
332	Vuong Thi Lo	44010000477878	BIDV Quảng ninh	14.060.000					14.060.000			
333	Hoa Thi Hong	44010000309254	BIDV Quảng ninh	14.100.000					14.100.000			

334	Bui Nhu Quynh	44010000478118	BIDV Quảng ninh	14.280.000					14.280.000			
335	Pham Thi Kim Thuy	44010000309236	BIDV Quảng ninh	14.400.000					14.400.000			
336	Pham Thi Anh Tuyet	44010000615395	BIDV Quảng ninh	14.440.000					14.440.000			
337	Tran Manh Cuong	44010000221747	BIDV Quảng ninh	14.820.000					14.820.000			
338	Nguyen Thi Nam	44010000413915	BIDV Quảng ninh	15.580.000					15.580.000			
339	To Thi Thu Ha	44010000119675	BIDV Quảng ninh	15.900.000					15.900.000			
340	Dinh Viet Hai	44010000082290	BIDV Quảng ninh	15.960.000					15.960.000			
341	Le Thi Thu Hang	44010000309227	BIDV Quảng ninh	16.200.000					16.200.000			
342	Le Hai Yen	44010000478303	BIDV Quảng ninh	16.340.000					16.340.000			
343	Tran Thi Ly	44010000810598	BIDV Quảng ninh	16.340.000					16.340.000			
344	Tran Thi Thu Ngan	44010000812503	BIDV Quảng ninh	16.720.000					16.720.000			
345	Vu Thi Khanh Huyen	44010000529405	BIDV Quảng ninh	16.720.000					16.720.000			
346	Doan Thi Hoa Anh	44010000085013	BIDV Quảng ninh	18.240.000					18.240.000			
347	Nguyen Le Huong	44010000083503	BIDV Quảng ninh	18.620.000					18.620.000			
348	Nguyen Thi Thuan	44010000085891	BIDV Quảng ninh	19.820.000					19.820.000			
349	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng ninh	20.520.000					20.520.000			
350	Vu Xuan Duong	44010000309193	BIDV Quảng ninh	23.700.000					23.700.000			
351	Nguyen Xuan Hung	44010000120589	BIDV Quảng ninh	27.140.000					27.140.000			

Bảng chữ: Một tỷ tám trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng

Người lập biểu

[Signature]
Nguyễn Thị Vinh

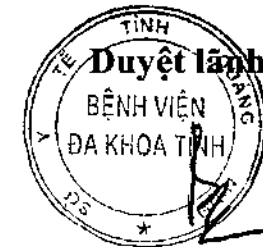
Kê Toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Thị Vinh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên



Duyệt lãnh đạo

Nguyễn Bá Việt

Ngày tháng năm 2022

**Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện**

Tháng 2/2022

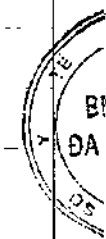
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tháng 02/2022

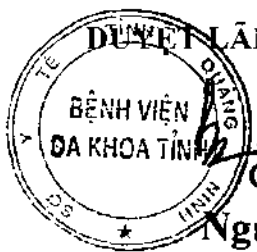
DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						343	51.450.000		
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	8	1.200.000		1-23/2
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	11	1.650.000		1-6/2
3	Phạm Minh Hiền	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		21-28/2
4	Lê Đình Quân	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		7-28/2
5	Trần Thị Tuyết	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		1-2/2
6	Phạm Thị Ninh	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		1-2/2
7	Hà Thị Tuyền	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		3-24/2
8	Phạm Thị Toàn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	9	1.350.000		20-28/2
9	Trần Mạnh Hùng	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	14	2.100.000		19-28/2
10	Bùi Thị Hương	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		19-28/2
11	Loan Như Tuyên	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		21-28/2
12	Quách T Thanh Phương	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	12	1.800.000		9-28/2
13	Trần Ngọc Linh	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		10-28/2
14	Ninh Thị Minh	TKLK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		1-20/2
15	Trương T. Chiêu Xuân	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	13	1.950.000		1-19/2



STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
16	Nguyễn Thị Lan Anh	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		1-22/2
17	Đỗ Thị Ly	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	13	1.950.000		1-2/2
18	Đặng Văn Mạnh	Sinh hoá	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		1-11/2
19	Trần Thị Thu Trang	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		1-10/2
20	Nguyễn Văn Mạnh	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	15	2.250.000		24-28/2
21	Nguyễn Thị Hà	PTTK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	5	750.000		24-28/2
22	Nguyễn Thị Dự	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		28/2
23	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		28/2
24	Trần Thị Thủy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		28/2
25	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		22-28/2
26	Huỳnh Lệ Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		21-28/2
27	Nguyễn Thị Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	4	600.000		22-28/2
28	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		24-28/2
29	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		24-28/2
30	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		28/2
31	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		28/2
32	Phạm Tuấn Anh Mạnh	PTTKCS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		28/2
33	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		28/2
34	Trần Việt Hoa	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		1-7/2
35	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		8-26/2
36	Phan Kim Hương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		1-7/2

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
37	Nguyễn Thị Xuân	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		8-26/2
38	Nguyễn Bích Nga	KKB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		13-27/2
39	Nguyễn Thị Hằng	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		28/2
40	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		1-12/2
41	Nguyễn Thanh tuân	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		25-28/2
42	Đinh Đức Thuận	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		25-28/2
43	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		24-28/2
44	Đỗ Thị Thanh Huyền	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		28/2
45	Nguyễn Thị An	Đa liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		28/2
46	Đặng Văn Thành	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		25-28/2
47	Bùi Thị Bích Liên	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	2	300.000		26-28/2
48	Lê Xuân Quang	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		24-28/2
49	Hoàng Hữu Tuấn	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	3	450.000		26-28/2
50	Đỗ Thị Nhung	Vi Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		26-28/2
51	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	150.000	01/02/2022	28/02/2022	1	150.000		24-28/2



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Việt

PHÒNG TCKT

[Signature]

Nguyễn Thị Vũ

PHÒNG TCCB

[Signature]

Ph. Hoàng Quỳnh Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

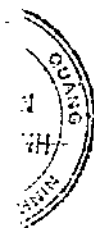
[Signature]

TSCKH Bùi Thị Nguyệt Anh

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Ngô Thủy Quỳnh



Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP**Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn****Tháng 02/2022**

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)								70.120.000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC							276	35.880.000		
1	Trần Anh Tuyền	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	NTH	130000		01/02/2022	28/02/2022	6	780.000		Trực 1,6,10,15,20,25/2
2	Nguyễn Duy Chính	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/02/2022	28/02/2022	2	260.000		Trực 2,7/2
3	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHBNN	130000		01/02/2022	28/02/2022	11	1.430.000		Trực 3,7,8,9,10,11,13-25/2
4	Đinh Thị Thị Xuyến	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	LK	130000		01/02/2022	28/02/2022	6,5	845.000		Trực 4,8,13,17,22,24,26/2
5	Lê Khắc Hoàng Sơn	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Nhi	130000		01/02/2022	28/02/2022	5	650.000		Trực 5,9,14,18,23/2
6	Vũ Thị Ngà	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/02/2022	28/02/2022	3	390.000		Trực 12,16,21/2
7	Đặng Thị Nhài	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	7,5	975.000		Trực 4,7-12,21-25/2
8	Đoàn Thị Trang Nhung	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	YHCT	130000		01/02/2022	28/02/2022	4	520.000		Trực 1,7,17,22/2
9	Phạm Thị Ngát	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHBNN	130000		01/02/2022	28/02/2022	5	650.000		Trực 1,7,13,17,22/2
10	Lài Thị Thu	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PKCS2	130000		01/02/2022	28/02/2022	4	520.000		Trực 2,8,14,19/2
11	Nguyễn Thành Đạt	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 2/2

12	Vũ Thị Ánh Tuyết	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	IK	130000		01/02/2022	28/02/2022	5	650.000		Trực 3,9,15,20,24/2
13	Vũ Xuân Thanh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	RHM	130000		01/02/2022	28/02/2022	4	520.000		Trực 3,9,14,19/2
14	Nguyễn Thị Nhung	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	2	260.000		Trực 4,25/2
15	Trần Thị Khánh Ninh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 5/2
16	Nguyễn Thị Hạnh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 5/2
17	Phạm Thị Thanh Tâm	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	UB	130000		01/02/2022	28/02/2022	4	520.000		Trực 6,10,16,21/2
18	Phạm Ngọc Bích	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PKCS2	130000		01/02/2022	28/02/2022	4	520.000		Trực 6,10,16,21/2
19	Bùi Thị Hương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 8/2
20	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 11/2
21	Nguyễn Thị Nguyên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	2	260.000		Trực 11,26/2
22	Dương Hồng Hà	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PHCN	130000		01/02/2022	28/02/2022	3	390.000		Trực 13,18,24/2
23	Đào Thị Thu Hà	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Sản	130000		01/02/2022	28/02/2022	2	260.000		Trực 15,20/2
24	Phạm Thị Thảo	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PHCN	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 18/2
25	Nguyễn Thị Thu Trang	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PKCS2	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 23/2
26	Vũ Thị Huệ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	DL	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 23/2
27	Hoàng Hà My	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/02/2022	28/02/2022	1	130.000		Trực 26/2
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH										
	Vũ Việt Anh	KTV CDHA	CDHA	130000		01/02/2022	28/02/2022	3	390.000		Trực 26,27,28/2
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID										
28	Nguyễn Bá Việt		Giám đốc	130.000		01/02/2022	28/02/2022	10	1.300.000		Trực 1,3,7,12,14,18,20,23,25,26,27/2
29	Đặng Thị Thuý		PGD	130.000		01/02/2022	28/02/2022	10	1.300.000		Trực 4,6,9,11,15,17,19,22,26/2

30	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130.000		01/02/2022	28/02/2022	9	1.170.000		Trúc 2,5,10,13,16,19,22,26,28/2
31	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		01/02/2022	28/02/2022	9	1.170.000		Trúc 5,8,12,14,16,21,22,24,26/2
32	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	9	1.170.000		Trúc 1,6,10,15,17,19,21,23,25/2
TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẢN											
33	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	14	1.820.000		Trúc 1,3,5,7,9,12,14,16,18,20,22 24,26,28/2
34	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	13	1.690.000		Trúc 2,4,6,8,11,13,15,17,19,21,2 3,25,27/2
35	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	8	1.040.000		Trúc 1,3,5,7,9,11,14,28/2
36	Phạm Thị Phương Thủy		KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	13	1.690.000		Trúc 1,3,5,7,10,12,15,17,19,21,2 3,25,27/2
37	Nguyễn Thị Thu Phương	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	14	1.820.000		Trúc 2,4,6,8,10,12,14,16,18,20,2 3,24,26,28/2
38	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	13	1.690.000		Trúc 2,4,6,9,11,13,15,17,19,21,2 3,25,27/2
39	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/02/2022	28/02/2022	13	1.690.000		Trúc 1,3,6,8,10,13,16,18,20,22,2 4,26,28/2
40	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trục phân luồng, sàng lọc	HCQT	130.000		01/02/2022	28/02/2022	14	1.820.000		Trúc 1,2,6,7,8,12,13,14,18,19,20 24,25,26
41	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130.000		01/02/2022	28/02/2022	14	1.820.000		Trúc 3,4,5,9,10,11,15,16,17,21,2 2,23,26,27,28/2
42	Bùi Trọng Oánh	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000		01/02/2022	28/02/2022	11	1.430.000		Trúc 3,6,7,11,14,15,18,19,23,26, 27/2
43	Hoàng Văn Dũng		HCQT	130.000		01/02/2022	28/02/2022	10	1.300.000		Trúc 4,8,12,13,16,17,20,21,24,2 8/2
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)							428	34.240.000		
1	Phạm Văn Ngà		K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	23	1.840.000		1-23/2
2	Phạm T. Hải Ninh		K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	6	480.000		1-6/2
3	Đinh Việt Hải		K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	8	640.000		21-28/2
4	Trần Thị Lý		K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	22	1.760.000		7-28/2
5	Đinh T. Hải Hà		K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	2	160.000		1,2/2
6	Bùi Quỳnh Anh		K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	2	160.000		1,2/2

7	Vũ T. Khánh Huyền
8	Đặng Thị Lan Anh
9	Trần Mạnh Cường
10	Dương Thị Oanh
11	Nguyễn Lê Hường
12	Trần Thu Ngân
13	Vương Thị Lò
14	Phan T. Thu Thủy
15	Trần Thị Hoài
16	Phạm T. Ánh Tuyết
17	Nguyễn Thị Hương
18	Nguyễn Thị Nam
19	Phạm Thị Bông
20	Nguyễn T. Nha Trang
21	Trịnh Thị Hường
22	Vũ Đức Nin
23	Đinh Tuấn Anh
24	Cao T. Quỳnh Anh
25	Vũ T. Hồng Yến
26	Trần T. T. Thảo
27	Lê Đức Tuấn
28	Bùi Như Quỳnh
29	Nguyễn Bình Duy
30	Tô Nguyễn T. Phi
31	Lưu Thị Hoàn
32	Vũ Xuân Thanh

khám, chẩn
đoán, điều trị
người mắc, nghi
mắc covid tại
khu vực cách ly
bệnh viện

K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	22	1.760.000		3-24/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	9	720.000		20-28/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	10	800.000		19-28/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	10	800.000		19-28/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	8	640.000		21-28/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	20	1.600.000		9-28/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	19	1.520.000		10-28/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	20	1.600.000		1-20/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	19	1.520.000		1-19/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	21	1.680.000		1-22/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	2	160.000		1-2/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	11	880.000		1-11/2
K BND		80.000	01/02/2022	28/02/2022	10	800.000		1-10/2
LK		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
NTH		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
UB		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
HHNN		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
Sân		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
RHM		80.000	01/02/2022	28/02/2022	7	560.000		22-28/2
NTH		80.000	01/02/2022	28/02/2022	8	640.000		21-28/2
Mắt		80.000	01/02/2022	28/02/2022	7	560.000		22-28/2
YHCT		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
TMH		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
GM		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
NTH		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
RHM		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2

33	Vũ Thị Hương	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	KB		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
34	Đặng Văn Hợi		K HSTC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	7	560.000		1-7/2
35	Trần Văn Bạch		K HSTC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	19	1.520.000		8-26/2
36	Vũ Đình Đức		K HSTC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	7	560.000		1-7/2
37	Vũ Anh Tuấn		K HSTC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	19	1.520.000		8-26/2
38	Nguyễn Kim Long		K CDHA		80.000	01/02/2022	28/02/2022	15	1.200.000		13-27/2
39	Vũ Văn Huân		K CDHA		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
40	Tạ Quang Tuấn		K CDHA		80.000	01/02/2022	28/02/2022	12	960.000		1-12/2
41	Nguyễn Tiến Thắng		K HSTC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	4	320.000		25-28/2
42	Chu Văn Hà	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	K Ngoại		80.000	01/02/2022	28/02/2022	4	320.000		25-28/2
43	Vũ Anh Tú		K TM		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
44	Phạm Trung Đức		K GMHS		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
45	Nguyễn Văn Tuấn		K PTTK		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
46	Đặng Văn Thành		K HSTC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	4	320.000		25-28/2
47	Phạm Đức Long		K GMHS		80.000	01/02/2022	28/02/2022	3	240.000		26-28/2
48	Trần Văn Phát		K UB		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
49	Đào Thúy Vân		PKCS2		80.000	01/02/2022	28/02/2022	3	240.000		26-28/2
50	Vũ Văn Anh		K Ngoại		80.000	01/02/2022	28/02/2022	3	240.000		26-28/2
51	Trần Phương Thủy		K CT		80.000	01/02/2022	28/02/2022	5	400.000		24-28/2
52	Đào Thị Thu Hà		K Sản		80.000	01/02/2022	28/02/2022	3	240.000		26-28/2
53	Hoàng Văn Đông		K HH-NN		80.000	01/02/2022	28/02/2022	3	240.000		26-28/2
54	Nguyễn Văn Trung		K TM		80.000	01/02/2022	28/02/2022	4	320.000		26-28/2
55	Vĩ Hồng Quang		K CT		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
56	Lâm Tuấn Quỳnh		K Mắt		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
57	Nguyễn Xuân Hùng		K YC		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2
58	Hà Văn Lợi		K UB		80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000		28/2

59	Nguyễn Duy Long	K PTTK	80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000	28/2
60	Trương Thị Lan Anh	K DL	80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000	28/2
61	Nguyễn Thị Thu Trang	PKCS2	80.000	01/02/2022	28/02/2022	1	80.000	28/2

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Việt
Nguyễn Thị Vũ

Hoa
Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Việt
BSCKI Bùi Thị Nguyệt Anh

Việt
Dương Thị Ánh Nguyệt

)

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 3/2022

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)						2.613	776.000.000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19						2.534	760.200.000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	11	3.300.000		2.3.4.8.11.13.15.17.27.30.31/3
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	7	2.100.000		3.4.5.8.15.19.28/3
3	Nguyễn Thị Thùy	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	2	600.000		1.7/3
4	Trần Văn Tùng	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	9	2.700.000		11.12.14.15.18.21.24.25.29/3
5	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		1.4.9.10.12.18.22.28/3
6	Vũ Thị Mận	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		1.6.7.8.16.22.23.24/3
7	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		10.11.14.15.21.25.26.30/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
8	Vũ Thùy Dung	Vsinh	trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	12	3.600.000		2.8.9.14.16.17.20.22.23.26.29.31/3
9	Hoàng Thị Thu Trang	PK CS2		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		8.13.15.27/3
10	Nguyễn Hồng Ngọc	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	5	1.500.000		1.6.15.19.20/3
11	Đặng Đỗ Khánh Huyền	Vsinh		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		1.3.5.7/3
12	Lương Xuân Kiên	K BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	31	9.300.000		01-31/3
13	Bùi Thị Năm	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
14	Đoàn Hoa Anh	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
15	Phạm Văn Ngà	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		03-24/3
16	Phạm T. Hải Ninh	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	11	3.300.000		21-31/3
17	Đinh Việt Hải	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	20	6.000.000		01-20/3
18	Trần Thị Lý	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
19	Bùi Quỳnh Anh	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	7	2.100.000		25-31/3
20	Vũ T. Khánh Huyền	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		07-27/3
21	Đặng Thị Lan Anh	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	28	8.400.000		01-06, 10-31/3
22	Trần Mạnh Cường	K BNĐ	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	18	5.400.000		01-18/3
23	Dương Thị Oanh	K BNĐ		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	18	5.400.000		01-18/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
24	Nguyễn Lê Hương	K BND	vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	20	6.000.000		01-20/3
25	Vương Thị Lò	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	9	2.700.000		01-09/3
26	Trần T Thu Ngân	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		01-08/3
27	Trần Thị Hoài	K BND	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		03-6/3
28	Lê T Minh Hằng	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	21	6.300.000		01-21/3
29	Lê Hải Yến	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		01-22/3
30	Đào T Thu Hương	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		18-25/3
31	Nguyễn Thị Hương	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	11	3.300.000		21-31/3
32	Nguyễn T. P. Thảo	K BND	vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	13	3.900.000		19-31/3
33	Nguyễn Thị Nam	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	11	3.300.000		21-31/3
34	Phạm T. Ánh Tuyết	K BND		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	1	300.000		01/3
35	Lê Tiến Tùng	K CDHA	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	25	7.500.000		07-31/3
36	Trần Văn Dũng	K CDHA		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		24-27/3
37	Vũ Văn Huân	K CDHA		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	13	3.900.000		01-13/3
38	Nguyễn T Nha Trang	LK		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		01-23/3
39	Trịnh Thị Hương	NTH	người trực tiếp khám,	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	3.000.000		01-10/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QB điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
40	Vũ Đức Nin	UB	chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
41	Đình Tuấn Anh	HHNN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	31	9.300.000		01-31/3
42	Cao T.Quỳnh Anh	Sân		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	3.000.000		01-10/3
43	Nguyễn Thị Hằng	TM	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	3	900.000		29-31/3
44	Lê T. Minh Trang	NTH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	3	900.000		29-31/3
45	Đình Thị Xuyến	LK		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3
46	Nguyễn Mạnh Quân	TMH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
47	Vũ T.Hồng Yến	RHM		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	21	6.300.000		01-21/3
48	Trần T.T Thảo	NTH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	21	6.300.000		01-21/3
49	Phạm Trung Kiên	NTH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	29	8.700.000		03-31/3
50	Lê Đức Tuấn	Mắt		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	21	6.300.000		01-21/3
51	Bùi Như Quỳnh	YHCT		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	31	9.300.000		01-31/3
52	Nguyễn Bình Duy	TMH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	31	9.300.000		01-31/3
53	Tô Nguyễn T. Phi	GM		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
54	Lưu Thị Hoàn	NTH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
55	Đoàn T. Lan Nhung	DD	người trực tiếp khám,	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	16	4.800.000		16-31/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
56	Nguyễn Ngọc Huân	GMHS	chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	29	8.700.000		03-31/3
57	Tây Ngọc Huyền	NTH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	24	7.200.000		08-31/3
58	Trần Thị Chiên	UB		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	5	1.500.000		06-10/3
59	Phạm Thị Thảo	PHCN	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	3.000.000		03-12/3
60	Hoàng Thị Mai	Nội B		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	26	7.800.000		06-31/3
61	Hà Thị Tuyền	TMH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	26	7.800.000		06-31/3
62	Tổng Đăng Linh	PTTK		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	26	7.800.000		06-31/3
63	Điệp Thị Yến	Ngoại		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	26	7.800.000		06-31/3
64	Trần Ngọc Linh	GM	chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
65	Vũ Thị Huệ	DL		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
66	Nguyễn T. Bích Ngọc	KB		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
67	Đặng Duy Linh	Mắt	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	3.000.000		22-31/3
68	Nguyễn T. Thủy Hằng	RHM		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	10	3.000.000		22-31/3
69	Mã Phương Thảo	NTH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	11	3.300.000		21-31/3
70	Vũ Xuân Thanh	RHM		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
71	Nguyễn Thị Thuận	YC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
72	Vũ Thị Hương	KB	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
73	Nguyễn Tiên Thắng	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	31	9.300.000		01-31/3
74	Trần Văn Bạch	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	9	2.700.000		01-9/3
75	Đổng Văn Tô	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
76	Chu Văn Hà	NGOẠI	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		01-23/3
77	Nguyễn Văn Năng	C THƯỜNG		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3
78	Vũ Anh Tú	T MẠCH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		01-23/3
79	Mai Trọng Ba	T MẠCH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3
80	Phạm Trung Đức	GMHS	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	3	900.000		01-03/3
81	Lê Thanh Tùng	PHCN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	28	8.400.000		04-31/3
82	Nguyễn Văn Tuấn	PTTK		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
83	Phạm Anh Duy	GMHS		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	28	8.400.000		04-31/3
84	Nguyễn Thị Loan	NT HỢP		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	28	8.400.000		04-31/3
85	Cao Thị Quỳnh Anh	SẢN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
86	Trịnh Thị Hương	NT HỢP		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	13	3.900.000		11-23/3
87	Phạm Văn Thạnh	NT HỢP		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
88	Bùi Huy Tiến	HSTC	mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		05-31/3
89	Bùi Thị Thu Huyền	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	27	8.100.000		05-31/3
90	Đặng Văn Thành	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	24	7.200.000		01-24/3
91	Phạm Đức Long	GMHS		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	25	7.500.000		01-25/3
92	Trần Văn Phát	U BƯỞU	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		01-23/3
93	Nguyễn Thúy Hà	U BƯỞU		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3
94	Đào Thúy Vân	PKCS2		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	25	7.500.000		01-25/3
95	Vũ Văn Anh	NGOẠI		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	25	7.500.000		01-25/3
96	Trần Phương Thủy	C THUẬN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		01-23/3
97	Quách Thị Thanh Phương	NT HỢP	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3
98	Đào Thị Thu Hà	SÁN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	25	7.500.000		01-25/3
99	Hoàng Văn Đông	HHNN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	25	7.500.000		01-25/3
100	Vũ Anh Tuấn	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	9	2.700.000		01-09/3
101	Hoàng Thu Giang	HSTC		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		09-31/3
102	Nguyễn Văn Trung	T MẠCH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	24	7.200.000		01-24/3
103	Vì Hồng Quang	C THUẬN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	15	4.500.000		01-15/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)
104	Hoàng Thị Hồng	C THUON	vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022
105	Lâm Tuấn Quỳnh	MẮT		300.000	'01/03/2022
106	Nguyễn Xuân Hùng	Y CẦU		300.000	'01/03/2022
107	Hà Văn Lợi	U BUỒU	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỈ	300.000	'01/03/2022
108	Nguyễn Duy Long	PTTK	MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022
109	Trương Thị Lan Anh	D LIỀU		300.000	'01/03/2022
110	Nguyễn Thị Thu Trang	PKCS2		300.000	'01/03/2022
111	Bùi Thị Thu Huyền	Y CẦU		300.000	'01/03/2022
112	Vũ Thị Thương	T MẠCH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỈ	300.000	'01/03/2022
113	Lục Tuấn Ngọc	PTTK	MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022
114	Trần Ích Bình	C CỨU		300.000	'01/03/2022
115	Vũ Ngọc Doanh	C THUON		300.000	'01/03/2022
116	Nguyễn Thị Mai Phương	NGOẠI		300.000	'01/03/2022
117	Trần Thị tuyết	SẢN	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỈ	300.000	'01/03/2022
118	Phạm Quang Tuấn An	KTVCDH	MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022
119	Nguyễn Thị Hà	PTTK		300.000	'01/03/2022

Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
31/3/2022	16	4.800.000		16-31/3
31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
31/3/2022	27	8.100.000		01-27/3
31/3/2022	28	8.400.000		04-31/3
31/3/2022	29	8.700.000		03-31/3
31/3/2022	28	8.400.000		03-31/3
31/3/2022	28	8.400.000		03-31/3
31/3/2022	28	8.400.000		03-31/3
31/3/2022	28	8.400.000		03-31/3
31/3/2022	28	8.400.000		03-31/3
31/3/2022	28	8.400.000		03-31/3
31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ
120	Phạm Thị Thảo	PHCN		300.000
121	Phạm Thị Hải Ninh	YHCT		300.000
122	Nguyễn Diệp Linh	PHCN	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI	300.000
123	Trần Cao Sơn	C CỨU	MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở	300.000
124	Phạm Văn Sơn	C CỨU	khám bệnh chữa bệnh	300.000
125	Trần Thị Chiên	U BUỒU		300.000
126	Trần Thị Hương	HHNN		300.000
127	Phạm Thái Dương	C CỨU	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI	300.000
128	Đỗ Thị Ly	T MACH	MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở	300.000
129	Nguyễn Thị Bích Liên	L HỌC	khám bệnh chữa bệnh	300.000
130	Nguyễn Thị Huệ	SẢN		300.000
131	Quách Thị Thanh Phụng	NTH		300.000
132	Lê Đăng Giang	TM	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI	300.000
133	Đoàn Mạnh Linh	HSTC	MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở	300.000
134	Phạm Thị Uyên	GMHS	khám bệnh chữa bệnh	300.000
135	Vũ Thị Thơ	PKS2		300.000

Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		09-31/3
01/03/2022	31/3/2022	12	3.600.000		10-21/3
01/03/2022	31/3/2022	10	3.000.000		22-31/3
01/03/2022	31/3/2022	24	7.200.000		08-31/3
01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
01/03/2022	31/3/2022	22	6.600.000		10-31/3
01/03/2022	31/3/2022	21	6.300.000		11-31/3
01/03/2022	31/3/2022	23	6.900.000		09-31/3
01/03/2022	31/3/2022	8	2.400.000		24-31/3
01/03/2022	31/3/2022	7	2.100.000		25-31/3
01/03/2022	31/3/2022	7	2.100.000		25-31/3
01/03/2022	31/3/2022	6	1.800.000		26-31/3
01/03/2022	31/3/2022	6	1.800.000		26-31/3

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
136	Bùi Bích Hạnh	Ngoại	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6	1.800.000		26-31/3
137	Phạm Thị Hương	Sân		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6	1.800.000		26-31/3
138	Lê Xuân Quang	IHHNN		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	6	1.800.000		26-31/3
139	Phạm Thu Hà	Mắt		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
140	Trần Hương Giang	RHM		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
141	Lê Thị Quỳnh	UB	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
142	Trần Mạnh Cường	CCL		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	4	1.200.000		28-31/3
143	Nguyễn Thị Văn Anh	TMH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 3/3
144	Lý Thị Cúc	TMH		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 14/3
145	Đoàn Thị Trang Nhung	YHCT		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
146	Phạm Thị Hải Ninh	YHCT	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu XN SARS-CoV-2	300.000	'01/03/2022	31/3/2022	1,0	300.000		1/2 3,7/3
147	Trần Việt Dung	YHCT		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 27/3
148	Bùi Thị Diệu	Ứng cứu		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 3/3
149	Chu Tuấn Thành	Nội Hô hấp		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 3/3
150	Nguyễn Văn Toán	RHM		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	0,5	150.000		1/2 7/3
151	Đỗ Quang Thế	Mắt		300.000	'01/03/2022	31/3/2022	1,0	300.000		1/2 7,8/3